



*Bay cao cùng năm tháng*



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ  
Y TẾ HẢI DƯƠNG  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023**



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Nguyễn Trung Việt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư!

Năm 2023 nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng của chiến tranh giữa Nga và Ucraina, xung đột kinh tế giữa Nga với Liên minh EU và Mỹ, xung đột lãnh thổ giữa các nước Trung Đông, Biển Đò... gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn đến nhiều nguyên phụ liệu cho sản xuất tăng giá và khan hiếm, nhiều doanh nghiệp bị thu hẹp sản xuất hoặc tạm ngừng sản xuất và phá sản. Lạm phát, giá cả tăng cao. Thị trường tiêu thụ trong nước bị thu hẹp, khó khăn trong lưu thông hàng hóa quốc tế; chi phí lưu kho, vận chuyển tăng cao... đã làm cho nền kinh tế thế giới lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài.

Ngành Dược cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng đó. Ngoài các khó khăn chung, Công ty chúng ta còn gặp khó khăn liên quan đến thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài với hàng trăm năm kinh nghiệm đầu tư vào Việt Nam và các doanh nghiệp trong nước ồ ạt đầu tư mở rộng SX – KD, đồng thời các vấn đề về chính sách của Ngành Dược như: Chuẩn sản xuất, chuẩn quản lý... cũng có nhiều thay đổi.

Công ty hiện nay có 8 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP – WHO và 1 dây chuyền đạt chuẩn GMP EU với nhiều dạng bào chế sản phẩm, tạo nhiều việc làm cho người lao động cũng như tạo lợi nhuận cho công ty.

Để đáp ứng yêu cầu Ngành Dược Việt Nam và phát triển doanh nghiệp, Công ty phải chủ động tái đầu tư và đầu tư mới cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, với công nghệ SX tiên tiến nhất. Vốn hóa của công ty hiện nay khoảng 500 tỷ, đây là con số còn khiêm tốn so với một Ngành đòi hỏi đầu tư nhiều như Ngành Dược. Quá trình tái đầu tư đòi hỏi giá trị vốn - tài sản phải lớn hơn. Năm 2023 đầu tư hoàn thành Văn phòng chi nhánh tại TP Cần Thơ đã đưa vào khai thác có hiệu quả. Dây chuyền sản xuất Thuốc viên, Cốm, Sủi không chứa kháng sinh

Betalactam đã được cấp chứng chỉ đạt tiêu chuẩn EU - GMP , cũng đã đang được vận hành cho ra sản phẩm đạt chuẩn EU và bước đầu đã trúng thầu vào hệ thống điều trị kênh ETC và bán rộng rãi trong hệ thống phân phối kênh OTC , đây là bước ngoặt chuyển mình lên một tầm cao mới về “Chuẩn sản xuất” của Công ty chúng ta , là kết quả của sự cố gắng và nỗ lực của HĐQT , Ban giám đốc và đội ngũ trí thức trẻ đã vất vả và theo đuổi trong nhiều năm qua.

Với những gì đã đạt được Công ty sẽ khai thác có hiệu quả, vượt qua những ảnh hưởng, khó khăn của nền kinh tế , đồng thời HDPHARMA vẫn khẳng định tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển của Công ty như sau:

HDPHARMA phấn đấu trở thành biểu tượng và là một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe của cộng đồng. HDPHARMA luôn cung cấp tổng chất lượng tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu về một cuộc sống khỏe mạnh của khách hàng.

### **Các cột trụ của chiến lược công ty**

Chiến lược công ty được xây trên 3 hướng chính, 3 trụ cột:

1. Xây dựng hệ thống sản xuất hiện đại lấy chất lượng làm mục tiêu và tâm điểm là chuẩn EU-GMP;

- Dây chuyền key thay vì sản phẩm key;
- Phát triển khâu nghiên cứu phát triển, coi đó là yếu tố hàng đầu ảnh hưởng đến chất lượng;
- Chất lượng có vai trò then chốt trong sản xuất Dược vì: cơ quan quản lý sẽ tăng yêu cầu, thị trường đòi hỏi.

2. Xây dựng hệ thống kinh doanh chuyên nghiệp, hiện đại, rộng khắp đất nước.

3. Thiết lập định hướng Marketing cho mọi hoạt động của Công ty.

### **Các mục tiêu**

- Trong tương lai trở thành một trong những doanh nghiệp đầu ngành của ngành dược phẩm Việt Nam.

- Cải tiến sản xuất, xây dựng hệ thống sản xuất thành sản xuất hiện đại.
- Đưa mác hàng HDPHARMA và các mác hàng của công ty trở thành những thương hiệu trong các nhóm dẫn đầu.
- Tăng tối đa thị phần của nhóm hàng sản xuất.
- Tăng tối đa độ phủ của nhóm hàng công ty tự sản xuất và phát triển thị phần.
- Xây dựng HDPHARMA thành công ty được quản lý theo tiêu chuẩn hiện đại, theo các qui trình, qui chuẩn nhất định.

- Phát triển nguồn nhân lực của công ty theo định hướng: khát vọng, hiện đại, nhiệt huyết, chuyên nghiệp.

- Liên doanh liên kết với các đối tác lớn trong ngành Dược để hợp tác sản xuất kinh doanh, trong đó có việc hợp tác xây dựng dây chuyền sản xuất chung

Kính thưa các Cổ đông và Nhà đầu tư! Khó khăn nhưng chúng ta không có con đường nào khác ngoài chuyện phải vượt qua. Các thành viên HDPHARMA bằng nhiệt huyết, trí tuệ, đoàn kết một lòng sẽ cố gắng thực hiện những mục tiêu đã đề ra, biến ước mơ đưa HDPHARMA trở thành doanh nghiệp Dược hàng đầu thành hiện thực.

Tôi hi vọng các cổ đông đồng lòng để hướng tới những tầm cao mới trong tương lai. Đại diện HĐQT, Tôi cũng hứa với các cổ đông kiểm soát chặt chẽ từng đồng của Công ty để đầu tư có hiệu quả.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý khách hàng của Công ty. Tôi cũng chân thành cảm ơn tất cả cán bộ nhân viên Công ty vì sự nỗ lực hết mình trong những năm qua. Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương đã, đang và sẽ luôn luôn phấn đấu ngày càng lớn mạnh để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị dành cho chúng tôi.

**Chủ Tịch Hội đồng Quản Trị**



**CHỦ TỊCH HĐQT  
NGUYỄN TRUNG VIỆT**

## TÂM NHÌN

Xây dựng Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những ngọn cờ đầu trong lĩnh vực Dược phẩm Việt Nam và xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO , GMP- EU và đa dạng các mặt hàng thuốc. HDPHARMA luôn cung cấp tổng chất lượng tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu về một cuộc sống khỏe mạnh của khách hàng.

## SỨ MỆNH

**Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư:** Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông, tăng cường sự minh bạch, kịp thời công khai hóa thông tin các hoạt động của Công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư và chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư.

**Đối với Khách hàng:** Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài; lắng nghe và luôn củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

**Đối với Đối tác Kinh doanh:** Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội.

**Đối với Cộng đồng Xã hội:** DHD vẫn luôn thực hiện trách nhiệm đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực với mong muốn góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

**Đối với Nhân viên:** Trân trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần cho sự phát triển Công ty.

# TỔNG QUAN CÔNG TY

**THÔNG TIN CHUNG**

**MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC**

**CỘT MỐC LỊCH SỬ**

**ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**CHI NHÁNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU**

**NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

**CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ**

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

**CÁC RỦI RO**

## THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Tên tiếng Anh

HAIDUONGPHARMACEUTICAL MEDICAL  
MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

Logo



Địa chỉ trụ sở chính

Số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Giấy đăng ký kinh doanh

Số 0800011018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương, cấp lần đầu ngày 04/04/2003, thay đổi lần thứ 20 ngày 07/6/2023.

Vốn điều lệ đăng kí

203.996.300.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp

203.996.300.000 đồng

Điện thoại

0220.3853.848

Fax

0220.3853.848

Website

<http://hdpharma.vn/>

Mã cổ phiếu

DHD



## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương (HDPHARMA) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước. Kể từ khi thành lập đến nay, quá trình xây dựng và phát triển của Công ty luôn gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của ngành Dược Việt Nam cùng với những bước thăng trầm trong tiến trình lịch sử phát triển kinh tế của đất nước. Quá trình phát triển của công ty có thể tóm lược qua những cột mốc như sau:

➤ 1961

Ủy ban hành chính tỉnh Hải Dương thành lập Quốc doanh dược phẩm.

➤ 1966

Quốc doanh dược phẩm tách thành hai đơn vị hành chính độc lập: Quốc doanh dược phẩm tỉnh Hải Hưng và xí nghiệp Dược tỉnh Hải Hưng.

➤ 1982

Quốc doanh dược phẩm Hải Hưng và Xí nghiệp Dược Hải Hưng lại được hợp nhất thành Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng.

➤ 1988

Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng đổi tên thành công ty Dược VTYT Hải Dương.

2003

Công ty Dược VTYT Hải Dương chuyển thành Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương với vốn điều lệ là 10,26 tỷ đồng.

➤ 2007

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đổi tên giao dịch thành HDPHARMA.

➤ 2010

Công ty tăng vốn điều lệ từ 10,26 tỷ lên 30 tỷ đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cổ đông chiến lược.

➤ 2018

14/06/2018: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 14, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.

## 2019

Năm 2019 Công ty đã chuyển đổi 20 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu cho cổ đông. Ngày 28/10/2019: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 15, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng.

## 2023

Năm 2023 Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2023 số tiền : 53.998.450.000 đồng Ngày 07/6/2023: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 20, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 203.996.300.000 đồng

## 2020

Năm 2020 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2019 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2020 số tiền : 19.999.450.000 đồng Ngày 28/5/2020: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 17, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 99.999.450.000 đồng.

## 2021

Năm 2021 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2020 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2021 số tiền : 19.999.430.000 đồng Ngày 26/5/2021: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 18, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 119.998.880.000 đồng.

## 2022

Năm 2022 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2021 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2022 số tiền : 29.998.970.000 đồng Ngày 26/7/2022: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 19, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 149.997.850.000 đồng

A map of Vietnam is shown in the background, with the city of Hanoi marked by a red location pin and labeled. The word "Vietnam" is written in red on the map. The map shows the geographical outline of Vietnam and its provinces.

## CHI NHÁNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

### HẢI DƯƠNG

Trụ sở chính Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hải Dương, Hải Dương, Việt Nam

### HÀ NỘI

Văn phòng công ty và Chi nhánh Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương tại Hà Nội . Địa chỉ:Lô đất Số 01, ô D6C, khu đất đấu giá quyền sử dụng đất, Phường Xuân La , Quận Tây Hồ , Thành phố Hà Nội , Việt Nam

### TUYÊN QUANG

Công ty Dược Tuyên Quang

### HẢI PHÒNG

Công ty TNHH Dược phẩm Hậu Vũ; Công ty TNHH Dược phẩm Minh Nhật

### ĐIỆN BIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Điện Biên

### HÒA BÌNH

Công ty TNHH Dược phẩm Hà Việt

### SON LA

Công ty cổ phần Dược phẩm Dương Hồng Thúy

### BẮC NINH

Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh

### BẮC GIANG

Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Giang ; Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Đông

## **THÁI NGUYỄN**

**Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Lan ; Công ty TNHH Dược phẩm Hữu Yên**

## **LẠNG SƠN**

**Nhà thuốc Thành Công**

## **QUẢNG NINH**

**Công ty TNHH Hải Bình**

## **NAM ĐỊNH**

**Công ty TNHH Dược phẩm Nam Hà, Công ty Dược phẩm Toàn Anh**

## **VĨNH PHÚC**

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc ; Công ty TNHH Dược phẩm Hải Nga**

## **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương tại TP.HCM Địa chỉ: 99 đường số 101 – TML - Phường Thạnh Mỹ Lợi - Quận 2 - TP.HCM – Việt Nam**

## **ĐÀ NẴNG**

**Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương – Chi nhánh Miền Trung.**

**Địa chỉ : Lô 9 – C4. KDC Hòa phát 4, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng , Việt Nam**

## **ĐẮC LẮC**

**Công ty Cổ phần Dược VTYT Đắc Lắc.**

## **LÂM ĐỒNG**

**Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng.**

## **NINH THUẬN**

**Công ty Cổ phần Dược VTYT Ninh Thuận.**

## **CẦN THƠ**

**Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương – Chi nhánh Cần Thơ.**

**Địa chỉ : Lô 09 – 53 – 54. Đường số 7, Khu dân cư Stella Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ , Việt Nam**

## **NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;

Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;

Sản xuất thực phẩm chức năng;

Sản xuất mỹ phẩm;

Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;

Bán buôn thực phẩm chức năng;

Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;

Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);

Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;

Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ thực phẩm chức năng trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;

Trồng cây dược liệu;

Chăn nuôi tằm kè, rắn (được Nhà nước cho phép);

In ấn;

Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;

Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Đại lý thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, dược phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;

Cho thuê văn phòng, bến bãi, cửa hàng, nhà kho, nhà ở;

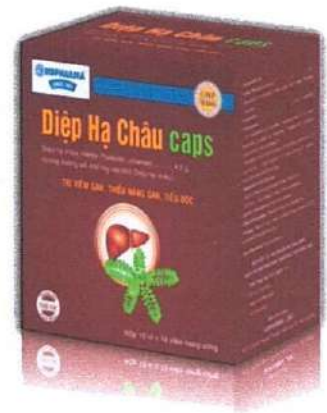
Kinh doanh dịch vụ khách sạn; dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.

Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh

Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia, sản xuất nước uống không cồn, nước khoáng.

Xây dựng nhà các loại .

MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH:







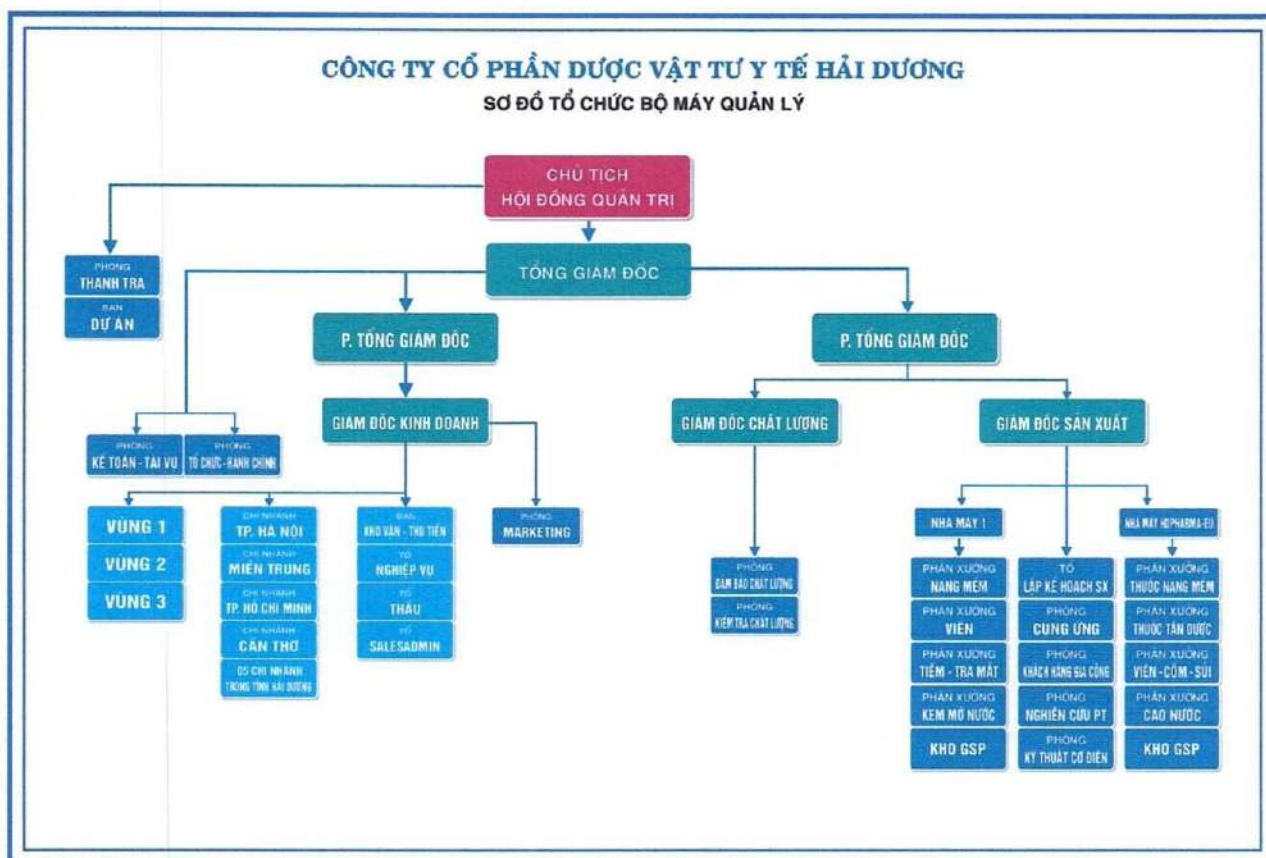








# CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

## BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty gồm ba (03) thành viên.

## TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bầu nhiệm, là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Mục tiêu

Xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO và đa dạng các mặt hàng thuốc. Hệ thống các dây chuyền:

Dây chuyền thuốc viên nang mềm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.

Dây chuyền dung dịch tiêm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.

Dây chuyền thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam và dây chuyền thuốc viên, thuốc bột, thuốc cốm, siro, thuốc nước uống thuốc dùng ngoài, rượu thuốc, cao thuốc...có nguồn gốc từ dược liệu.

Dây chuyền thuốc kem, thuốc mỡ và gel không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam.

Dây chuyền thuốc viên + Cốm + Sùi không chứa nhóm kháng sinh Beta-lactam đạt tiêu chuẩn EU - GMP

Dây chuyền sản xuất mỹ phẩm, vật tư y tế.

Dây chuyền thuốc tân dược gồm tiêm bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh Cephalosporin đạt tiêu chuẩn EU - GMP

Kiến toàn hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm đến ngang tầm tiêu chuẩn của khối EU.

Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những điểm đến hợp tác hấp dẫn, an toàn, hiệu quả, đáng tin cậy của các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài.

## Chiến lược phát triển

### Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh

Lấy phục vụ làm mục đích kinh doanh, lấy hiệu quả kinh doanh làm động lực của sự phát triển.

### Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Bảo vệ và nâng cao chất lượng sản phẩm là sứ mệnh của Doanh nghiệp.

### Về chính sách thị trường và bán hàng

Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến vùng sâu, vùng xa trong nước và Quốc tế để phục vụ kịp thời người tiêu dùng.

### Về tuyên truyền, quảng bá thương hiệu, sản phẩm/ dịch vụ

Có kế hoạch quảng bá trên VTV1, VTV3 và các kênh truyền hình địa phương; trên các báo - tạp chí; trên Website của công ty và Website khác.

## Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật

Đầu tư đổi mới máy móc, trang thiết bị hiện đại cho các dây chuyền hiện có của công ty.

Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất Đông dược theo tiêu chuẩn GMP - WHO.

Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc Nước và kem mỡ đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.

Mở rộng dây chuyền thuốc Tiêm.

Đầu tư xây dựng Dây chuyền thuốc tân dược gồm tiêm bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh Cephalosporin đạt tiêu chuẩn EU – GMP

Đầu tư máy và thiết bị kiểm nghiệm công nghệ tiên tiến .

## Về chính sách đào tạo nhân lực

Mở rộng đào tạo tại chỗ; gửi CBCNV đi đào tạo nâng cao.

Mời chuyên gia đến hướng dẫn sử dụng máy móc, chuyển giao công nghệ cho CBCNV làm việc trực tiếp.

## Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.

Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).

Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.

Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất. Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

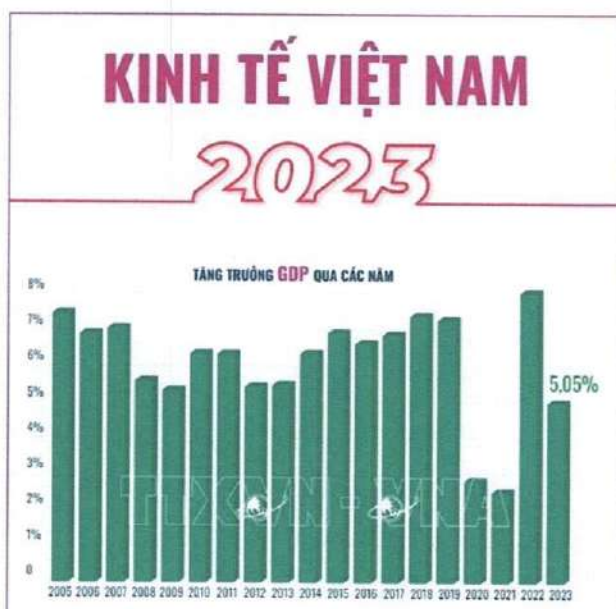
# CÁC RỦI RO

## RỦI RO KINH TẾ:

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ sẽ tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến sự nhu cầu tiêu dùng của xã hội, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị phần. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có DHD.

### Tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo của cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng GDP của những năm bùng phát đại dịch COVID-19 (2020-2021) và thấp hơn tốc độ tăng GDP những năm còn lại của giai đoạn 2011-2023.



Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế năm 2023 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Năm 2023 Quốc hội đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP là 6, 5% thấp hơn kết quả đạt được của năm 2022 là 8,02%, tuy nhiên đây cũng là mục tiêu đầy thách thức trong bối cảnh khó khăn chung trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này Quốc Hội, Chính Phủ đã có nhiều giải pháp, chính sách hợp lý, đồng bộ song ảnh hưởng của hậu đại dịch Covid – 19, chiến tranh Nga và Ucraina kéo dài, xung đột giữa các nước Trung đông, Biển Đò, Nga với Liên minh EU, Mỹ..... vẫn tiếp tục làm đứt gãy các chuỗi cung ứng trong nước và toàn cầu... Sản xuất kinh doanh trong nước đã hồi phục và tăng trưởng song vẫn chưa đạt kỳ vọng. Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành nghề kinh tế và tất nhiên sẽ có ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu dùng của người dân đối với các sản phẩm liên quan đến ngành Dược.

### Lạm phát

Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến rất phức tạp và dao động với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và gây ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Theo báo cáo của cục thống kê Việt Nam thuộc nhóm các nước có mức lạm phát thấp so với mặt bằng chung, khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Bình quân cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so

với năm 2022, thấp hơn mục tiêu khoảng 4,5% Quốc hội đặt ra.

Năm 2022 lạm phát là 3,15%. Đây là mức tăng liên tiếp 2 năm liền. Và điều đó có nghĩa, mặc dù Chính Phủ có những chính sách tiền tệ linh hoạt vào những tháng cuối năm 2023 so do ảnh hưởng của hậu đại dịch Covid – 19, chiến tranh Nga và Ucraina, xung đột kinh tế giữa Nga và khối EU,

Mỹ... đã làm ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của nước ta và là nguyên nhân chính cho lạm phát của chúng ta năm 2023 tăng lên 3,25%, song với mức độ này thì chung ta vẫn đang kiểm soát được lạm phát còn dưới cả mục tiêu Quốc hội đề ra (khoảng 4,5%). Như vậy là đã 3 năm liên tiếp, Việt Nam kiểm soát được lạm phát dưới 4%. , Năm 2021 lạm phát là 1,84%, năm 2022 lạm phát là 3,15% và năm 2023 lạm phát là 3,25%

**Diễn biến CPI bình quân năm 2023**



### Lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này được công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi. Chủ động cân đối tốt, hợp lý các nguồn vốn trong thanh toán để tiết kiệm tối đa vốn lưu động, chi phí vốn vay.

### RỦI RO CẠNH TRANH

Trong một thời gian Ngành Dược được đánh giá là ngành hấp dẫn nên đã thu hút được dòng tiền nhiều. Rất nhiều nhà máy đã và đang xây mới. Đầu tư của các nhà máy thì ngày càng quy mô và bài bản. Điều đó đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt những năm tới khi các nhà máy này đi vào hoạt động.

Một xu hướng trong những năm gần đây và những năm tiếp theo là các tập đoàn Dược phẩm nước ngoài với kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất và kinh doanh dược phẩm, công nghệ hiện đại cũng như tiềm lực tài chính vô cùng lớn đang đầu tư vào Việt Nam. Hệ thống các chuỗi bán buôn, bán lẻ trong nước và nước ngoài hình thành nhanh chóng chiếm lĩnh và chia sẻ thị trường phân



phối dược phẩm tại Việt Nam ví dụ như chuỗi nhà thuốc [Long Châu](#), [Pharmacity](#), An Khang... Theo kế hoạch, tổng số nhà thuốc của ba chuỗi bán lẻ này có thể lên đến con số 7.300 trong năm 2025, tương đương 16% thị phần. Thực tế này đòi hỏi Công ty phải nâng cao hơn nữa chất lượng các sản phẩm thuốc, cải tiến công nghệ và đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm, cập nhật liên tục các sản phẩm thế hệ mới nhưng giá cả hợp lý, thị trường có nhu cầu thực sự, xây dựng hệ thống phân phối uy tín, lan tỏa đến mọi nơi, đạt độ tin cậy trong giới y khoa và người tiêu dùng để có thể tồn tại và cạnh tranh trên chính thị trường.

## RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm

## RỦI RO VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Hiện nay Cục Quản lý Dược đã đưa chuẩn PIC/S vào tiêu chuẩn. Yêu cầu của sản xuất thuốc là chuẩn GMP - WHO đòi hỏi làm đúng chuẩn. Chính sách của Cục đã rất rõ ràng: Muốn tiếp tục sản xuất thì phải đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu của nhà máy đạt chuẩn, còn nếu không đạt thì Công ty sẽ không được quyền sản xuất nữa. Vì vậy, chỉ có các doanh nghiệp đầu tư bài bản, sản xuất bài bản mới tồn tại được. Xu hướng làm đúng chuẩn và kiên quyết loại bỏ các DN thực hiện không đúng chuẩn là tất yếu trong quá trình phát triển của Ngành Dược.

Sau khi thông tư 15/2019 có hiệu lực từ năm 2019, các công ty sản xuất dược nội địa bắt đầu cuộc chạy đua xây dựng dây chuyền sản xuất đạt chuẩn EU-GMP. Cạnh tranh Nhà máy đạt

túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLD, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...

## RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các điều Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Dược... Song Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện nên sẽ tác động đến kết quả kinh doanh và định hướng của Công ty. Việc này dễ dẫn đến nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường có thể xảy ra nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới. Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như là thuê các bên tư vấn để đảm bảo tính pháp lý trong việc sản xuất và vận hành. Hơn thế nữa, công ty đã và đang thực hiện việc đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật.

chuẩn EU-GMP sẽ rất khốc liệt trong trung hạn. Đó không chỉ liên quan đến bài toán về nguồn vốn mà còn cả về chất lượng sản phẩm.

Từ năm 2020 trở đi, các Cơ quan quản lý Dược VN yêu cầu tách riêng sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thuốc, có nghĩa là nếu muốn sản xuất đồng thời cả thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thuốc chúng ta phải nhân đôi số dây chuyền. Điều này xảy ra vì sự suy giảm nhiều của thực phẩm bảo vệ sức khỏe do thị trường mất lòng tin đối với sản phẩm cũng như cạnh tranh nhiều. Sản phẩm sản xuất của chúng ta có rất nhiều là gia công thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Sự suy giảm này cũng ảnh hưởng đến chúng ta.

## **RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DƯỢC PHẨM**

Vấn đề hàng giả, hàng nhái là một trong những thực tế đáng lo ngại nhất hiện nay đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mặc dù Luật sở hữu trí tuệ ra đời đã góp phần bảo vệ các doanh nghiệp dược trước sự xâm hại của hàng giả, hàng nhái cũng như lành mạnh hóa môi trường cạnh tranh của ngành nhưng vẫn không giải quyết được triệt để rủi ro này. Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc biệt, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Hơn nữa, chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành Dược cao hơn so với bất cứ ngành công nghiệp nào khác, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp. Bên cạnh đó, các thuốc phục vụ cho dịch bệnh, thuốc chuyên khoa luôn phải dự trữ nhưng luôn tiềm ẩn rủi ro không tiêu thụ được. Hàng hóa trong lĩnh vực Dược phẩm có thời hạn sử dụng nhất định. Việc không tiêu thụ hết sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng mang lại rủi ro thua lỗ cho doanh nghiệp. Trước những rủi ro mang tính đặc thù đó, Công ty phải có những biện pháp phù hợp cũng như khả năng xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý để hạn chế những rủi ro này.

## **RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU**

Do đặc thù ngành hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty phải chịu tác động trực tiếp từ sự biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào, nguồn sản xuất, xuất sứ của nguyên liệu. Đặc biệt, với những lĩnh vực đặc thù như ngành Dược, Công ty phải chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước về giá bán đầu ra. Chính vì thế, Công ty phải gánh chịu những rủi ro đặc thù, tiềm ẩn những biến động khó lường. Đặc biệt hậu Covid-19 vẫn còn ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam, chiến tranh giữa Nga và Ucraina, xung đột các nước Trung Đông, Biển đỏ .....nó ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và chuỗi cung ứng toàn cầu, trong đó có nguyên liệu của ngành dược, tình trạng thiếu NPL, giá cả tăng, chi phí vận chuyển tăng... dẫn đến nhiều DN phải ngừng nghỉ SX, phá sản. Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động thực hiện việc thu mua dược liệu, chủ động thực hiện đề án xây dựng vùng sản xuất dược liệu theo tiêu chuẩn GACP tại huyện Ninh Giang, Tứ Kỳ, Chí Linh và Gia Lộc tại Tỉnh Hải Dương, để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào của nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

### NGUỒN NHÂN LỰC

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	2023	2022	% Tăng, giảm 2023/2022
Doanh thu thuần	Đồng	614.742.735.938	615.835.205.058	-0,2%
Giá vốn hàng bán	Đồng	426.688.430.719	442.906.586.466	-3,7%
Lợi nhuận gộp	Đồng	188.054.305.219	172.928.618.592	8,7%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	426.708.493	197.360.639	116,2%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	8.539.743.135	6.473.171.683	31,9%
Chi phí bán hàng	Đồng	68.644.819.855	61.042.684.185	12,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	72.660.901.541	69.102.574.001	5,1%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	38.635.549.181	36.507.549.362	5,8%
Lợi nhuận khác	Đồng	856.370.536	1.258.134.760	-31,9%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	39.491.919.717	37.765.684.122	4,6%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	31.514.069.929	30.008.055.100	5,0%

#### Tổng doanh thu:

Doanh thu thuần 2023 giảm 0,2% so với 2022, trong khi năm 2022 giảm 0,7% so với 2021

#### Tổng chi phí:

Trong năm 2023, chi phí tài chính tăng : 31,9% so với năm trước.

Trong năm 2023, chi phí bán hàng tăng 12,5% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng : 5,1% so với năm trước.

## Lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế TNDN: 39.491.919.717đồng, tăng 4,6% so với năm 2022, tương đương số tiền : 1.726.235.595 đồng.

- ✓ Mặc dù doanh thu thuần năm 2023 giảm 0,2% so với năm 2022, nhưng do cơ cấu tỷ trọng doanh thu hàng SX tăng, làm tỷ lệ lãi gộp bình quân / doanh thu thuần tăng 2,5% vì vậy tổng lợi nhuận gộp đạt : 188.054.305.219đ, tăng so với năm 2022 : 15.125.686.627đ.
- ✓ Chi phí tài chính tăng : 31,9%
- ✓ Chi phí bán hàng năm 2023 tăng số với năm 2022 là 12,5%.
- ✓ Chi phí quản lý năm 2023 tăng số với năm 2022 là 5,1%.
- ✓ Lợi nhuận khác giảm : 31,9% so với năm 2022 tương đương số tiền : 401.764.224 đ.

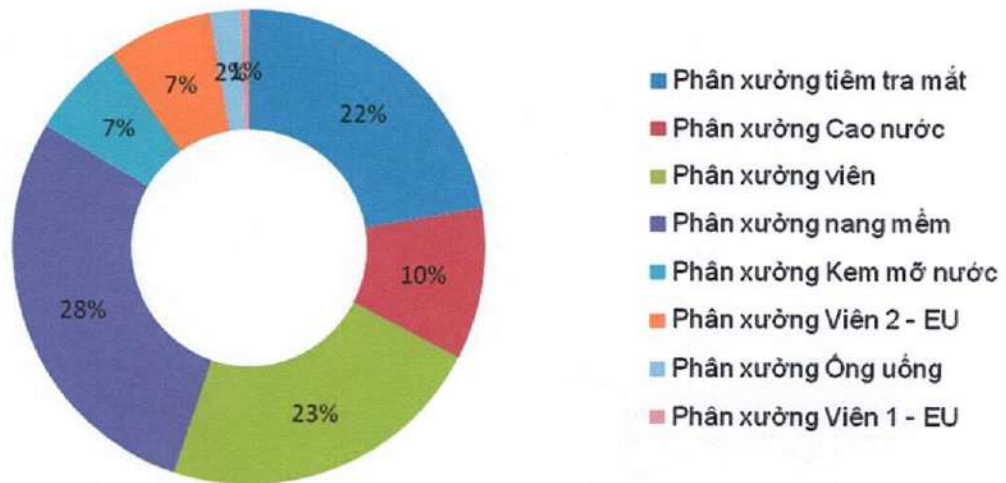
Tóm lại : Tỷ lệ lãi gộp BQ tăng 2,5% làm lãi gộp tăng : 15.125.686.627đ, trong khi đó Chi phí tài chính+ Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý tăng : 13.227.034.662 nhỏ hơn số lãi gộp tăng thêm, đây là nguyên cơ bản làm cho lợi nhuận trước thuế TNDN năm nay cao hơn năm trước.

### Hoạt động sản xuất năm 2023

(ĐVT: nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023/ 2022
Phân xưởng tiêm tra mắt	74.333.718	49.890.059	149,00%
Phân xưởng Cao nước	34.277.891	32.252.815	106,28%
Phân xưởng viên	74.948.020	71.715.152	104,51%
Phân xưởng nang mềm	94.802.421	111.997.847	84,65%
Phân xưởng Kem mỡ nước	21.832.598	36.562.976	59,71%
Phân xưởng Viên 2 - EU	23.991.245	18.114.746	132,44%
Phân xưởng ống uống	6.822.420	0	
Phân xưởng Viên 1 - EU	2.167.737	0	
<b>Tổng giá trị sản lượng</b>	<b>333.176.463</b>	<b>320.533.595</b>	<b>103,94%</b>

### CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT NĂM 2023



**Công tác kế hoạch sản xuất:** Đây là mảng công việc gặp rất nhiều khó khăn do trong năm 2023 vì cùng với việc thay đổi tư duy phương pháp điều hành và quản lý mới và dịch bệnh Covid – 19 vẫn còn hướng tới nền kinh tế , chiến tranh Nga và Ucraina , xung đột kinh tế giữa Nga với Liên minh EU và Mỹ , xung đột lãnh thổ tại Trung Đông, Biển Đỏ ... đã làm tê liệt chuỗi cung ứng, nguyên liệu khan hiếm , giá cả luôn biến động tăng , hàng hóa lưu thông không thuận tiện , ách tắc , nhu cầu của Khách hàng thất thường , xu hướng tiêu dùng không ổn định làm cho công tác lập KH luôn bị động, mất cân đối ảnh hưởng đến sản xuất và bán hàng.

♦ Về giá trị sản lượng sản xuất : Năm 2023 giá trị sản lượng sản xuất đạt : 333.176.463.704đ; hụt 15,86% so với kế hoạch; tăng 3,94% so với năm 2022, tương đương số tiền : 12.642.868 nghìn đồng .

Đánh giá: Năm 2023 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “*Giá trị sản lượng sản xuất*”.

Nguyên nhân chính không hoàn thành kế hoạch là :

- ✓ Dây chuyền EU - GMP được thẩm định và cấp giấy chứng nhận EU – GMP tháng 6 /2022 nhưng hoạt động chưa thường xuyên , chưa tạo ra sản phẩm đạt chuẩn GMP EU có giá trị cao trong sản xuất như kỳ vọng .
- ✓ Dây chuyền viên số đăng ký sản phẩm được Cục quản lý dược cấp để sản xuất còn ít và một số sản phẩm ra thị trường với sản lượng còn thấp. Có rất nhiều số đăng ký hết hạn và việc gia hạn số đăng ký thì kéo dài phụ thuộc vào Cục Dược nên ảnh hưởng đến việc sản xuất và hàng hóa ra thị trường.

- ✓ Do ảnh hưởng của lạm phát toàn cầu , giá cả tăng cao nên sức mua của người tiêu dùng giảm.
- ✓ Năm 2023 công ty chú trọng đến các thị trường xuất khẩu và đã có sự tăng trưởng tốt, Doanh số xuất khẩu đạt 35,931 tỷ đồng, tăng so với 2022 là: 16,168 tỷ đồng.
- ✓ Do ảnh hưởng hậu Covid-19 đến nền kinh tế vẫn còn , tiếp đến là chiến tranh Nga và Ucraina kéo dài, xung đột lãnh thổ và kinh tế xảy ra nhiều nơi trên thế giới, giá cả tăng cao, nên sức mua của người tiêu dùng giảm, dẫn đến doanh số bán hàng bị suy giảm kéo theo sản xuất giảm theo.
- ✓ Hệ thống phân phối theo chiến lược kinh doanh mới toàn quốc đã triển khai được 6 năm, song do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong Ngành dược và suy thoái kinh tế dẫn đến doanh số của nhóm hàng sản xuất của công ty , nhóm hàng gia công cho khách hàng gia công bị giảm đáng kể.

## DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Nguyễn Trung Việt**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ngày tháng năm sinh: 26/4/1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học xã hội

Quá trình công tác:

◆ Từ năm 1997 – tháng 03/2014: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Vinasun – Ucraina – Kiev

◆ Từ tháng 04/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 8.331.972 cổ phiếu chiếm 40,84% vốn Điều lệ.

Health Care  
Doctor  
Hospital  
Pharmacist  
Nurse  
Dentist  
First Aid  
Surgeon  
Emergency



**Bà Nguyễn Thị Tú Anh**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 01/9/1965  
Trình độ chuyên môn: Dược sỹ Đại học  
Quá trình công tác:

- ◆ Từ tháng 02/1989 đến tháng 10/1991: Đại lý thuốc cho Hiệu thuốc Trung tâm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng
  - ◆ Từ tháng 11/1991 đến tháng 7/1995: Tổ trưởng Tổ Pha chế thuốc Tiêm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng
  - ◆ Từ tháng 8/1995 đến tháng 3/2003: Mậu dịch viên bán thuốc tại Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương
  - ◆ Từ tháng 04/2003 đến tháng 10/2011: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
  - ◆ Từ tháng 11/2011 đến tháng 03/2016: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
  - ◆ Từ tháng 04/2016 đến nay: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương  
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không  
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 819.944 cổ phiếu chiếm 4,01% vốn Điều lệ.



**Ông Trần Phúc Dương**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị .

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1968  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác:

- ◆ Từ năm 1989 – năm tháng 07/2015: Tự kinh doanh
  - ◆ Từ tháng 08/2015 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: UV HĐQT  
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không  
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 828.494 cổ phiếu chiếm 4,06% vốn Điều lệ.

**BAN KIỂM SOÁT**

Health Care  
Doctor  
Hospital  
Pharmacist  
Nurse  
Dentist  
First Aid  
Surgeon  
Emergency



**Bà Phạm Thị Thủy**  
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 02/5/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 10/1992 - tháng 3/2015: Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 4/2015 - tháng 11/2015: Thanh tra Tài chính - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Tháng 12/2015 - tháng 10/2016: Thanh tra Tài chính, Trợ lý Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Tháng 11/2016 - nay: Thanh tra Tài chính, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thanh tra Tài chính, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 101.940 cổ phiếu chiếm 0,5% vốn điều lệ.



**Ông Trần Kim Cương**  
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1975

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 7/1996 - tháng 8/2004: Mậu dịch viên bán thuốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 10/2004 - tháng 3/2009: Chủ nhiệm Hiệu thuốc Chí Linh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 4/2009 - nay: Giám đốc Chi nhánh - Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Chi nhánh - Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 106.409 cổ phiếu chiếm 0,52% vốn Điều lệ.





**Bà Nguyễn Thị Hương  
Lan**  
Thành viên Ban Kiểm  
Soát

**BAN LÃNH ĐẠO**

Ngày tháng năm sinh: 06/08/1987

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 12/2010 – tháng 12/2013: Nhân viên Phòng Nghiệp vụ Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 01/2014 – tháng 02/2015: Phó Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 03/2015 – tháng 06/2018: Phó Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất- Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 07/2018 đến tháng 11/2020: Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 12/2020 đến Tháng 2/2022: Phó phòng Cung ứng tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 3/2022 đến nay: Tổ trưởng tổ lập kế hoạch sản xuất tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 7.638 cổ phiếu chiếm 0,0374% vốn Điều lệ.

MEDICAL

Health Care  
Doctor  
Hospital  
Pharmacist  
Nurse  
Dentist  
First Aid  
Surgeon  
Emergency



**Ông Đặng Văn Việt**  
Giám Đốc Chất lượng

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1965

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 5/1991 - tháng 5/1995: Cán bộ Hiệu thuốc Đông Anh – Hà Nội

◆ Từ 6/1995 - năm 2001: Quản đốc Phân xưởng tại Công ty Cổ phần Traphaco Hà Nội

◆ Từ 2002 - tháng 12/2003: Giám đốc Công ty Cổ phần Traphaco Sapa

◆ Từ tháng 1/2004 - tháng 3/2007: Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Nam Dược Hà Nội

◆ Từ tháng 4/2007 - tháng 10/2012: Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 11/2012 - tháng 4/2015: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 5/2015 đến nay: Giám đốc Chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Chất lượng

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 81.215 cổ phiếu chiếm 0,398% vốn Điều lệ.



**Ông Phạm Văn Năm**  
Giám Đốc Kinh doanh

Ngày tháng năm sinh: 20/7/1980

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 9/2002 – tháng 12/2011: Nhân viên Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

◆ Từ tháng 01/2012 – tháng 11/2015: Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

◆ Từ tháng 12/2015 – tháng 6/2018: Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang kiêm Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Kinh doanh thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

◆ Từ tháng 7/2018 – tháng 7/2020: Phó Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

◆ Từ tháng 8/2020 đến nay: Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Kinh doanh

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 11.039 cổ phiếu chiếm 0,054% vốn Điều lệ.



**Ông Chu Văn Long**  
**Kế Toán Trưởng**

Ngày tháng năm sinh: 06/02/1966

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán – Chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1993–năm 1997: Nhân viên kế toán- Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ năm 1998–năm 2003: Phó phòng kế toán – Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ 2004 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dược vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Kế toán trưởng

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 73.463 cổ phiếu chiếm 0,36% vốn Điều lệ.

Health Care  
Doctor  
Hospital  
Pharmacist  
Nurse  
Dentist  
First Aid  
Surgeon  
Emergency

## NGUỒN NHÂN LỰC

Để đáp ứng nhu cầu công việc, Công ty đã tuyển dụng công nhân viên với nhiều cấp bậc trình độ khác nhau.

*Bảng cơ cấu công nhân viên năm 2023*

Tiêu chí	Số lượng 2023 (người)	Tỷ trọng 2023 (%)
Trình độ Đại học và trên Đại học	235	27,78%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	530	62,65%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	39	4,61%
Lao động phổ thông	42	4,96%
<b>Tổng</b>	<b>846</b>	<b>100%</b>

### **Công tác quản lý lao động:**

Công ty quản lý giờ làm việc; công việc chủ yếu sử dụng theo khoán việc và khoán sản phẩm để đánh giá kết quả lao động.

### **Chính sách lao động:**

Trong năm, Công ty đã thực hiện một số chương trình đào tạo nghiệp vụ, đào tạo phòng cháy chữa cháy và đào tạo cho cán bộ quản lý,...

Công tác an toàn vệ sinh lao động được triển khai theo định kỳ hàng năm.

### **Mức lương:**

Mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên trong Công ty là 10.800.000đ/ người/ tháng tăng 200.000đ so với năm 2022.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	578.985.769.945	577.136.837.346	0,3%
2	Doanh thu thuần	614.742.735.938	615.835.205.058	-0,2%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	38.635.549.181	36.507.549.362	5,8%
4	Lợi nhuận khác	856.370.536	1.258.134.760	-31,9%
5	Lợi nhuận trước thuế	39.491.919.717	37.765.684.122	4,6%
6	Lợi nhuận sau thuế	31.514.069.929	30.008.055.100	5,0%
7	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	1.545	1471	5,0%

STT	Chỉ tiêu	2023	2022	% tăng, giảm
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn ( Lần )	1,70	1,47	15,65%
	Hệ số thanh toán nhanh ( lần )	1,04	0,85	22,35%
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn ( % )	27,4	31,6	-13,29%
	Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu ( % )	37,81	46,14	-18,05%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho ( G.Vốn/Tồn kho BQ )	5,7	6,1	-6,56%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản ( lần )	1,062	1,067	-0,47%
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( % )	5,13%	4,87%	5,34%
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( % )	7,50%	7,60%	-1,32%
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( % )	5,44%	5,20%	4,62%
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( % )	6,29%	5,93%	6,07%

### Khả năng thanh toán:

Trong năm 2023, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn là 1,70 lần, Tăng so với năm 2022 là 0,23 lần, tương đương 15,65%.

Hệ số thanh toán nhanh của công ty năm 2022 là 1,04 lần, tăng so với năm 2022 là 0,19 lần, tương đương 22,35%.

**Kết luận:** Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều tăng, chứng tỏ công ty có đủ lượng tiền và các khoản tương đương tiền để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Đây là chỉ số tính cho 1 thời điểm, nó đòi hỏi phải có 1 lượng tiền và tương đương tiền đủ lớn nhưng nếu duy trì thường xuyên tiền mặt, tiền gửi sẽ dẫn đến lãng phí vốn bởi vậy công ty phải biết luân

chuyển hay sử dụng sao cho hợp lý hiệu quả, an toàn các khoản tiền tệ hiện có tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### Về cơ cấu vốn:

Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn giảm: 13,29% , do tổng nguồn vốn trong năm 2023 của Công ty tăng ít hơn so với tốc giảm của Nợ phải trả . Cụ thể, tổng nguồn vốn tăng 0,3% còn nợ phải trả giảm tới 12,82% so với năm 2022.

Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu cũng giảm đáng kể : 18,05% , do nợ phải trả chỉ giảm 12,82% trong khi đó vốn chủ sở hữu tăng 6,1 % so với năm 2022.

**Kết luận :** 2 Chỉ tiêu cơ cấu vốn đều giảm so với năm 2022 cho thấy công ty quản lý tốt và hiệu quả nợ phải trả , khả năng tài chính của doanh nghiệp là ổn định, tự chủ được vốn trong sản xuất kinh doanh và đầu tư cho tái sản xuất.

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

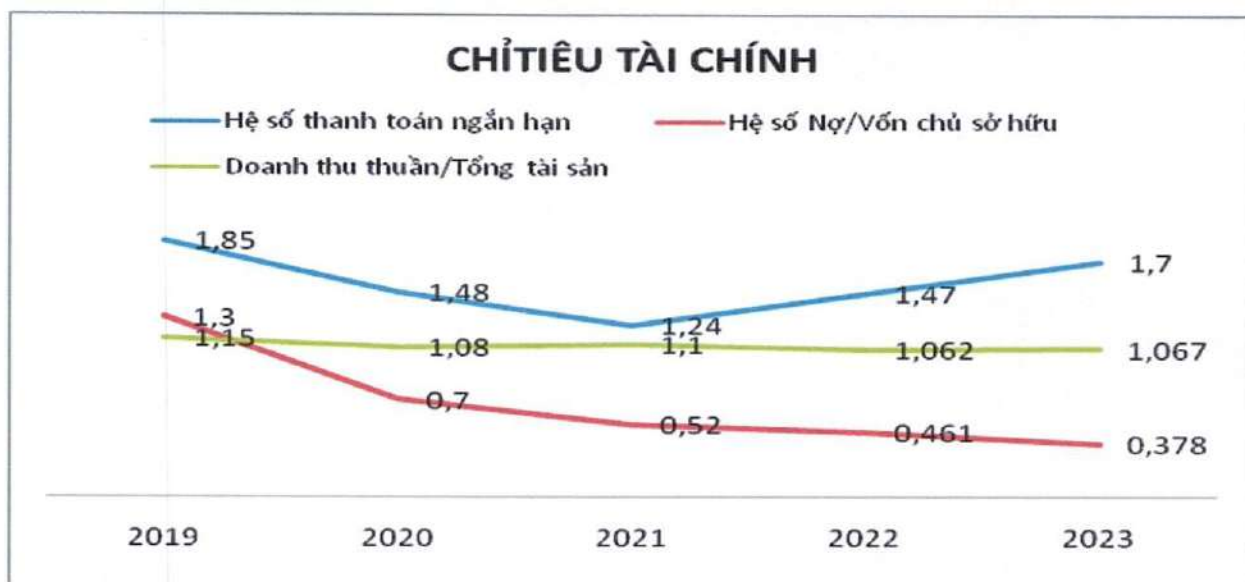
Chỉ số vòng quay hàng tồn kho trong năm 2023 giảm 0,4 vòng so với năm 2022 , tương đương tỷ lệ giảm là 6,56% , Nguyên nhân chính do tốc độ hàng tồn kho bình quân tăng 6,51% so với 2022, trong khi đó tổng giá vốn hàng bán năm 2023 lại chỉ giảm 3,66% so với năm 2022. Tồn kho BQ tăng là do công ty đã chủ động mua NLP có nguồn gốc từ nước ngoài dự trữ để ổn định sản xuất cho năm 2024, nhằm tránh thiếu cục bộ NPL do ảnh hưởng bởi chiến tranh, dịch bệnh xung đột lãnh thổ và kinh tế trên thế giới hay biến động tăng giá cả như những năm 2022 và 2023.

Chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản giảm : - 0,47%, do doanh thu thuần năm 2023 giảm với tốc độ là 0,2%, trong khi đó tổng tài sản lại tăng: 0,3% so với năm trước.

Doanh thu thuần giảm với các lý do :

- ✓ Nhóm hàng kênh ETC trong tình năm 2023 doanh số thấp hơn so với năm 2022 do trúng thầu năm 2023 thấp hơn năm 2023 , nhiều sản phẩm trong nước do giá nguyên liệu tăng cao làm giá thành tăng, nên nhà cung cấp chỉ cung ứng với lượng tối thiểu . Luật đấu thầu có nhiều thay đổi , do vậy các nhà cung cấp tự đầu thầu trực tiếp, mà không ủy quyền cho công ty như những năm trước đây làm cho hàng kinh danh thương mại giảm đáng kể .
- ✓ Do ảnh hưởng của lạm phát toàn cầu, giá cả tăng cao nên sức mua của người tiêu dùng giảm.
- ✓ Do ảnh hưởng của hậu Covid-19 đến nền kinh tế vẫn còn, tiếp đến là chiến tranh Nga và Ucraina kéo dài, xung đột lãnh thổ, kinh tế xảy ra nhiều nơi trên thế giới, giá cả tăng cao, nên sức mua của người tiêu dùng giảm, dẫn đến doanh số bán hàng bị suy giảm.

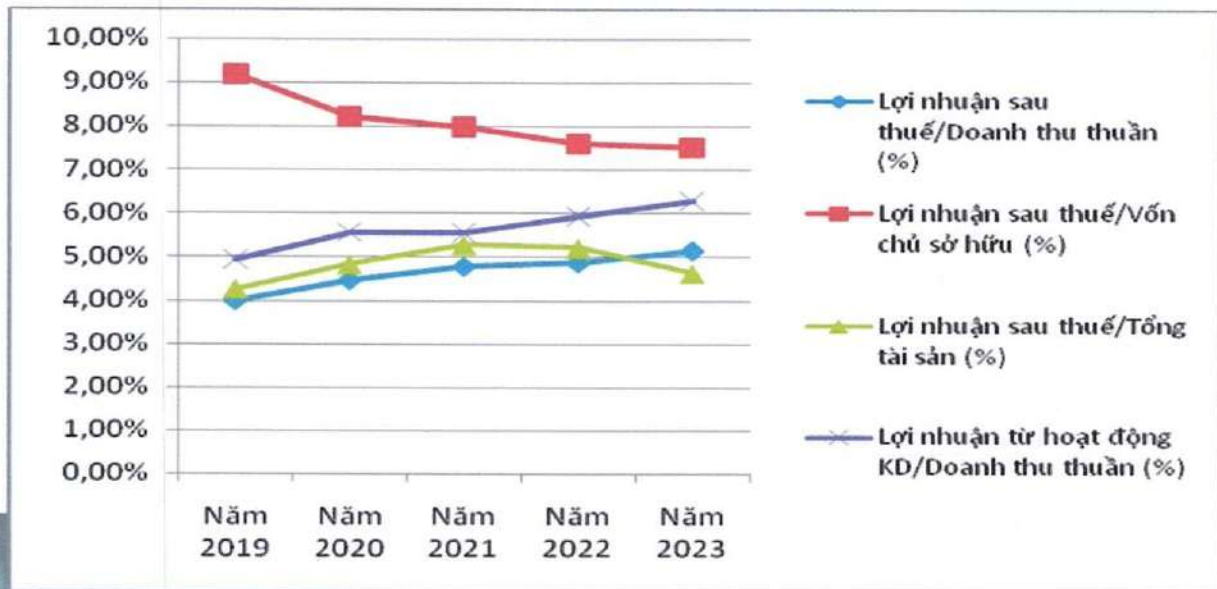
- ✓ Nhóm khách hàng đặt sản xuất tại công ty để kinh doanh cũng gặp khó khăn bởi thị trường do cạnh tranh tiêu dùng trong nước và ảnh hưởng của suy giảm kinh tế nên lực cầu giảm.



Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,85	1,48	1,24	1,47	1,70
Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	1,30	0,70	0,52	0,461	0,378
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,15	1,08	1,10	1,062	1,067

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,00%	4,46%	4,77%	4,86%	5,13%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	9,19%	8,2%	7,98%	7,60%	7,5%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	4,25%	4,82%	5,27%	5,20%	4,62%
Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần (%)	4,92%	5,56%	5,55%	5,93%	6,29%



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### Thông tin cổ phiếu:

Số lượng cổ phần:	20.399.630 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông:	20.399.630 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành:	20.399.630 cổ phiếu
Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	20.399.630 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phiếu

### Cơ cấu cổ đông năm 2023

Bảng cơ cấu Cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>		
	- Tổ Chức	0	0%
	- Cá nhân	386	98,72%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>		
	- Tổ chức	2	0,51%
	- Cá nhân	3	0,77%
<b>Tổng cộng</b>			<b>100%</b>

Bảng cơ cấu Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu



STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	0	-
2	Cổ đông sáng lập	1.207.742	5,92%
3	Cổ đông lớn	<b>11.674.994</b>	
	Trong nước	11.674.994	57,23%
	Nước ngoài	0	0
4	Cổ đông khác	7.502.650	
	Trong nước	7.502.650	36,78%
	Nước ngoài	14.244	0,07%
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100%</b>

**Danh sách cổ đông lớn:**

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
Nguyễn Trung Việt	001069002861	Khu đô thị Ciputra, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	8.331.972	40,84%
Trần Mai Lan	001171004106	1506 P2 KDT Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	3.343.022	16,39%

# **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC** **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**



## **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022	% tăng, giảm 2023/2022
Doanh thu thuần	Đồng	614.742.735.938	615.835.205.058	-0,2%
Giá vốn hàng bán	Đồng	426.688.430.719	442.906.586.466	-3,7%
Lợi nhuận gộp	Đồng	188.054.305.219	172.928.618.592	8,7%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	426.708.493	197.360.639	116,2%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	8.539.743.135	6.473.171.683	31,9%
Chi phí bán hàng	Đồng	68.644.819.855	61.042.684.185	12,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	72.660.901.541	69.102.574.001	5,1%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	38.635.549.181	36.507.549.362	5,8%
Lợi nhuận khác	Đồng	856.370.536	1.258.134.760	-31,9%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	39.491.919.717	37.765.684.122	4,6%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	31.514.069.929	30.008.055.100	5,0%

### Đánh giá chung:

Năm 2023 tiếp tục là một năm hết sức khó khăn đối với Công ty Dược Vật tư Y tế Hải Dương nói riêng và toàn Ngành Dược Việt Nam nói chung, do ảnh hưởng của hậu Covid – 19 đến kinh tế toàn cầu, chiến tranh giữa Nga và Ucraina kéo dài, xung đột kinh tế giữa Nga và Liên minh EU và Mỹ, xung đột lãnh thổ tại Trung Đông, Biển đỏ ... đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, lạm phát, giá cả tăng, kinh tế suy thoái kéo dài.

#### Công tác sản xuất

Năm 2023 giá trị sản lượng sản xuất đạt : 333.176.463.704 đ; hụt 15,86% so với kế hoạch; tăng 3,94% so với năm 2022, tương đương số tiền : 12.642.868.454 đồng .

#### Doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu thuần 2023 giảm 0,2% so với 2022 và giảm 22% so với kế hoạch 790 tỷ. Nguyên nhân chính là do:
  - ✓ Nhóm hàng ETC trong tình năm 2023 doanh số thấp hơn so với năm 2022 do: trúng thầu năm 2023 thấp hơn năm 2023 , nhiều sản phẩm trong nước do giá nguyên liệu tăng cao làm giá thành tăng nên nhà cung cấp chỉ cung ứng với lượng tối thiểu . Luật đấu thầu có nhiều thay đổi , do vậy các nhà cung cấp tự đầu thầu trực tiếp, mà không ủy quyền cho công ty như những năm trước đây làm cho hàng kinh danh thương mại giảm đáng kể .
  - ✓ Do ảnh hưởng của lạm phát toàn cầu giá cả tăng cao nên sức mua của người tiêu dùng giảm.

- ✓ Do ảnh hưởng hậu Covid-19 đến nền kinh tế vẫn còn, tiếp đến là chiến tranh Nga và Ucraina kéo dài, xung đột lãnh thổ, kinh tế xảy ra nhiều nơi trên thế giới, giá cả tăng cao, nên sức mua của người tiêu dùng giảm, dẫn đến doanh số bán hàng bị suy giảm và kéo theo sản xuất giảm.
- ✓ Nhóm khách hàng đặt sản xuất tại công ty để kinh doanh cũng gặp khó khăn bởi thị trường do cạnh tranh tiêu dùng trong nước và ảnh hưởng của suy giảm kinh tế nên lực cầu giảm.

- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 39.491.919.717 đồng, tăng 4,6% so với năm 2022, tương đương số tiền : 1.726.235.595đ.

-Lợi nhuận sau thuế TNDN: 31.514.069.929 đồng, tăng 5% so với năm 2022, tương đương số tiền : 1.506.014.829đ. So với kế hoạch 30 tỷ mà Đại hội cổ đông 2023 đã thông qua thì tăng 5% , tương đương số tiền : 1.514.069.929đ

### Thị trường

Năm 2023 là năm các doanh nghiệp trong , ngoài ngành dược vẫn còn bị ảnh hưởng bởi hậu Covid – 19 nền kinh tế hồi phục chậm, môi trường và hình thức kinh doanh có nhiều thay đổi dẫn đến thị phần có nhiều thay đổi. Thị phần lớn và cốt yếu của Công ty là thị trường Miền Trung Tây Nguyên và phía Nam, còn trên thị trường sân nhà là thị trường Hải Dương, HDPHARMA mới chỉ mạnh ở mảng bán hàng kênh ETC. Do môi trường cạnh tranh hết sức khốc liệt, thị phần kênh OTC hàng sản xuất ở các khu vực tiềm năng này của Công ty tăng trưởng rất chậm chưa được dự tính.

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Chỉ tiêu	2023	2022	% tăng giảm 2023/2022
<b>Tài sản ngắn hạn</b>		<b>266.604.877.103</b>	<b>264.049.750.095</b>	<b>1,0%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền		25.418.100.057	39.364.911.883	-35,4%
Các khoản phải thu ngắn hạn		135.831.193.325	112.337.473.798	20,9%
Hàng tồn kho		104.353.518.072	111.162.799.917	-6,1%
Tài sản ngắn hạn khác		1.002.065.649	1.184.564.497	-15,4%
<b>Tài sản dài hạn</b>		<b>312.380.892.842</b>	<b>313.087.087.251</b>	<b>-0,2%</b>
Giá trị còn lại của Tài sản cố định		294.215.719.104	296.745.834.976	-0,9%
Tài sản dở dang dài hạn		10.635.029.498	8.392.694.175	26,7%
Tài sản dài hạn khác		7.530.144.240	7.948.558.100	-5,3%
<b>Tổng tài sản</b>		<b>578.985.769.945</b>	<b>577.136.837.346</b>	<b>0,3%</b>
<b>Nợ phải trả</b>		<b>158.850.659.496</b>	<b>182.210.134.750</b>	<b>-12,8%</b>
Nợ ngắn hạn		156.619.610.736	179.878.902.299	-12,9%
Nợ dài hạn		2.231.048.760	2.331.232.451	-4,3%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>420.135.110.449</b>	<b>394.926.702.596</b>	<b>6,4%</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>		<b>578.985.769.945</b>	<b>577.136.837.346</b>	<b>100,3%</b>

## Tài sản

Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty có thay đổi trong năm 2023 nhưng không đáng kể .

### Tài sản ngắn hạn:

Tổng tài sản ngắn hạn năm 2023 tăng 1% so với năm 2022, Trong đó : Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 20,9% , còn lại Tiền và các khoản tương đương tiền Giảm 35,4% , hàng tồn kho giảm 6,1% và Tài sản ngắn hạn khác giảm 15,4% .

### Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn năm 2023 giảm 0,2% so với năm 2022. Nguyên nhân chính là do tổng khấu hao cả năm cao hơn giá trị tài sản MM-TB đầu tư và chi phí XDCB dở dang phát sinh trong năm , cụ thể khấu hao + Chi phí

dài hạn là : 23.421.872.694 đồng, trong khi đó đầu tư bổ sung thêm MM- TB sản xuất và nhà cửa năm 2022 chỉ là : 22.884.015.417 đồng .

### Nợ phải trả

Trong 2023, cơ cấu nợ đã thay đổi và giảm 12,8% chủ yếu là do nợ ngắn hạn giảm 12,9% đồng thời Nợ dài hạn cũng giảm 4,3% so với 2022.

Năm 2023 Công ty đã giảm nợ phải trả người bán và đồng thời quản trị tốt vốn trong thanh toán ( *nợ ngắn hạn* ) .

### Vốn chủ sở hữu

Trong năm 2023 Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng lên 6,4%, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ kết quả SX - Kinh doanh năm 2023.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2023, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của công ty

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động, tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

Năm 2023 công ty đã khai thác triệt để hơn phần mềm quản trị tổng thể doanh nghiệp - ERP vào khâu lập kế hoạch sản xuất, quản

trị bán hàng và quản trị tài chính - kế toán quản lý nhân sự và tiền lương, từ đó góp phần làm cho công tác tài chính , hệ thống các qui trình , qui chuẩn công việc, qui chế quản lý tài chính toàn công ty được kiện toàn hơn;

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.



Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Thông tư 96/2020/TT-BTC về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 16/11/2020. Công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản



xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các

giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

*Năm 2023 cạnh tranh trong thị trường Dược phẩm trong nước sẽ càng khốc liệt hơn, ảnh hưởng đến SX, phân phối. Tuy đại dịch Covid – 19 đã hết, song chiến tranh giữa Nga và Ucraina, bất đồng kinh tế giữa Nga với Liên minh EU và Mỹ, xung đột lân cận các nước Trung Đông, Biển Đỏ ... đã làm chuỗi cung ứng của nền kinh tế toàn cầu bị đứt gãy, kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, lạm phát giá cả tăng cao... đây là thách thức lớn cho công ty. Ban giám đốc Công ty sẽ tiếp tục đánh giá đúng về năng lực của hệ thống kinh doanh, đánh giá đúng các đối thủ cạnh tranh; có những định hướng cụ thể và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường:*

### **Thay đổi chính sách khách hàng phù hợp**

Không ngừng hoàn thiện chính sách phục vụ sản xuất kinh doanh

Các phòng ban chức năng, Phòng khách hàng gia công, Khối kinh doanh, đặc biệt bộ phận dịch vụ khách hàng, tiếp nhận thông tin nhanh nhạy, đáp ứng kịp thời thỏa mãn khách hàng.

Đặc biệt tập trung hoàn thiện các Chính sách trong công tác nghiên cứu thực nghiệm; Định mức lao động, định mức lương cho từng sản phẩm.

Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP, ISO9001 : 2015 và ISO13485 : 2016 hiện hành.

Kiên trì xây dựng và thực hiện chính sách tổng chất lượng để tạo niềm tin cho khách hàng.

Tập trung nghiên cứu, phát triển một số mặt hàng chiến lược, có giá trị cao tạo ra những sản phẩm thương hiệu cho HD PHARMA.

Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.

CBCNV thực hiện công việc theo đúng quy trình quy chuẩn công việc, qui chuẩn văn hóa doanh nghiệp đã ban hành.

Đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm sủi không chứa kháng sinh nhóm Betalacatam đã đạt chuẩn EU-GMP.

Thực hiện tốt công tác thẩm định GMP cho các dây chuyền sản xuất thuốc hiện có đạt chuẩn GMP – WHO và thực phẩm bảo vệ sức khỏe khi đến hạn.

### **Chính sách kinh doanh:**

Không ngừng hoàn thiện và thực hiện tốt mục tiêu “lấy khách hàng là trung tâm”.

Hệ thống kinh doanh là những bộ phận đại diện cho Công ty tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, là cầu nối để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Theo xu hướng thị trường cạnh tranh hiện nay, Khối Kinh doanh nhận định toàn bộ hệ thống phải liên tục hoàn thiện để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Do đó cần liên tục hoàn thiện các chính sách để hướng tới phục vụ khách hàng tốt nhất, đem tới cho khách hàng tổng chất lượng tốt nhất từ sản phẩm đến các dịch vụ cung ứng hàng hóa.

#### **Năm 2024 Khối Kinh doanh hoàn thiện các chính sách cụ thể:**

- ✓ Chính sách lương thưởng, năng suất: tạo thu nhập ổn định và động lực cho nhân sự kinh doanh thực hiện doanh số bán hàng
- ✓ Chính sách khoán kinh doanh phù hợp để các bộ phận thực hiện.
- ✓ Chính sách bán hàng, marketing phù hợp với sản phẩm và thị trường.
- ✓ Hoàn thiện hệ thống phân phối toàn quốc lấy : CN Hà Nội, Chi Nhánh Miền Trung tại Đà Nẵng , Chi nhánh HCM và CN tại Cần Thơ, làm trung tâm, lòng cốt cho hệ thống phân phối mới.

#### **Công tác Kinh doanh**

Phần đầu doanh số bán ra đạt chỉ tiêu: 790 tỷ đã đề ra cho năm 2024.

Chuyên nghiệp hóa công tác của Tổ thầu, mục đích đưa hàng Hải Dương sản xuất ra phạm vi ngoài tỉnh bằng cả hai hình thức : Trực tiếp tham gia dự thầu và liên doanh với các Công ty bạn trên từng địa bàn phân phối.

Hoàn thiện hệ thống bán hàng kênh OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước.

Đầu tư cho hệ thống bán hàng tại các tỉnh, có chính sách bán hàng tốt nhất để các Nhà phân phối , đại lý và các cộng tác viên gắn bó với hàng Hải Dương.

#### **Công tác hoàn thiện hệ thống bán hàng sản xuất**

Hệ thống bán hàng kênh OTC:

- ✓ Xây dựng và kiện toàn lại toàn bộ hệ thống nhân sự từ QLV đến TDV toàn quốc theo đúng chiến lược kinh doanh đã duyệt.
- ✓ Lựa chọn nhà phân phối ,giám sát trình dược viên và nhà phân phối để đạt được mục tiêu phủ hàng tốt ,quản lý nhân viên và hàng hóa công nợ chặt chẽ hiệu quả.
- ✓ Xây dựng mở rộng thêm hệ thống bán hàng, tăng độ bao phủ thị trường để tăng thị phần gia tăng doanh số bán hàng.
- ✓ Nâng cao Doanh số bán hàng Trung bình của TDV/ tháng theo chỉ tiêu
- ✓ Thúc đẩy tích cực việc triển khai sản phẩm mới để đưa sản phẩm vào thị trường một cách nhanh nhất và có hiệu quả.



- ✓ Gia tăng số lượng sản phẩm hiện diện trên các điểm bán, tăng doanh số bán hàng đối với các sản phẩm đã triển khai thành công tại điểm bán.
- ✓ Tận dụng và phát huy tối đa các công cụ đã được trang bị, các chính sách trong bán hàng nhằm quản lý tốt hơn và góp phần gia tăng doanh số bán hàng.
- ✓ Có những giải pháp phù hợp để : Đưa hàng vào hệ thống siêu thị, hệ thống chuỗi nhà thuốc bán lẻ toàn quốc và các kênh bán hàng ONLINE, bán hàng qua các kênh thương mại điện tử

Hệ thống bán hàng kênh ETC:

- ✓ Tuyển dụng nhân sự có chất lượng, có thái độ nghiêm túc và mong muốn được làm việc, gắn bó với Doanh nghiệp.
- ✓ Giữ vững ổn định về mặt nhân sự, phát triển địa bàn sâu và xây dựng mối quan hệ tốt với các bệnh viện, các sở ban ngành. Kiện toàn một số tỉnh như Vĩnh Phúc, Thái nguyên ,Phú Thọ, Sơn la, Tuyên Quang, Hà Giang, Điện Biên, Hòa Bình và các tỉnh ở miền Nam ,Miền trung mà công ty chưa làm thấu.
- ✓ Lập kế hoạch xây dựng danh mục sản phẩm, số lượng dự thầu cụ thể đối với từng sản phẩm tại từng địa bàn có kế hoạch tổ chức đấu thầu trong năm 2024, đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng về sản lượng và giá trị trúng thầu so với cùng kỳ năm trước. Trên cơ sở đó đề xuất giá chào thầu, theo dõi kết quả trúng thầu, xây dựng chính sách thầu (nếu có) và chỉ đạo, triển khai và bám sát bán hàng theo kết quả trúng thầu
- ✓ Tích cực triển khai đấu thầu đối với nhóm hàng sản xuất trên dây chuyền đạt chuẩn GMP EU trong năm 2024.
- ✓ Tích cực triển khai và phát huy hiệu quả của công tác bán áp thầu cho các phòng khám có khám chữa bệnh bảo hiểm trên phạm vi toàn quốc.

Triển khai giới thiệu và bán các mặt hàng mới mà Hội đồng triển khai sản phẩm mới đã đăng kí và triển khai đưa ra thị trường những mặt hàng thay đổi lại mẫu mã, chất lượng.

Các chi nhánh phối hợp cùng phòng kinh doanh, phòng marketing xây dựng các chương trình khuyến mại sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách hàng.

Khối kinh doanh và phòng marketing triển khai các hội thảo ,hội nghị khách hàng tại các tỉnh.

Khối kinh doanh phối hợp cùng các phòng ban (Marketing, Đảm bảo chất lượng,...) để đào tạo nhân sự QLV, TDV, xây dựng mô hình làm theo nhóm, theo vùng trong năm 2024.

Phần đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng sản xuất năm 2024 là :436 tỷ với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện khâu tổ chức sản xuất để cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.



## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT  
ĐỘNG CỦA CÔNG TY  
CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC**

## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Năm 2023 vẫn là một năm khó khăn không chỉ riêng Công ty mà còn chung cho cả ngành Dược Việt Nam. Thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài, bão hòa của thực phẩm chức năng, sự quản lý gắt gao nâng chuẩn của các cơ quan quản lý, sự tăng giá chóng mặt của nguyên vật liệu ngành Dược và đặc biệt là ảnh hưởng của hậu Covid – 19 vẫn còn kinh tế phục hồi chậm, chiến tranh giữa Nga và Ucraina kéo dài, xung đột kinh tế giữa Nga và Liên minh EU và Mỹ, xung đột lãnh thổ tại Trung Đông, Biển đỏ ... , lạm phát, giá cả tăng, kinh tế suy thoái kéo dài, các chuỗi cung ứng liên kết kinh tế bị đứt gãy, sản xuất kinh doanh bị đình trệ và suy thoái. Chúng ta đã vượt qua những khó khăn năm 2023 tuy có giảm sút một chút về doanh thu so với năm trước, song kết quả SX – KD chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế TNDN vẫn có sự tăng trưởng và sử dụng hợp lý các nguồn lực hiện có, việc làm và thu nhập của hơn 800 CBCNV vẫn được duy trì và ổn định.

### **Doanh thu thuần và lợi nhuận**

- Doanh thu thuần 2023 giảm 0,2% so với 2022 và giảm 22% so với kế hoạch 790 tỷ.

-Lợi nhuận sau thuế TNDN: 31.514.069.929 đồng, tăng 5% so với năm 2022, tương đương số tiền : 1.506.014.829đ. So với kế hoạch 30 tỷ mà Đại hội cổ đông 2023 đã thông qua thì tăng 5% , tương đương số tiền : 1.514.069.929đ

### **Tình hình sản xuất:**

Năm 2023 giá trị sản lượng sản xuất đạt : 333.176.463.704đ; hụt 15,86% so với kế hoạch; Tăng 3,94% so với năm 2022, tương đương số tiền : 12.642.868.454 đồng.

### **Công tác Dự án:**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý, chuẩn bị vốn cho việc triển khai dự án giai đoạn 2 của nhà máy HDPHARMA EU : “Xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc tiêm bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh CEPHALOSPORIN đạt tiêu chuẩn EU- GMP”, tại Cẩm Thượng theo nghị quyết Đại hội cổ đông.

Hoàn thành quyết toán đưa vào sử dụng công trình trụ sở Nhà văn phòng và bán hàng Chi nhánh Cần Thơ.

Hình ảnh một số máy móc tiêu biểu với công nghệ tiên tiến







Máy đóng túi tiêu chuẩn EU





Máy đóng lọ thuốc nhỏ mắt tự động



Dây chuyền SX thuốc tiêm



# CÁC KẾ HOẠCH - ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 1. Tầm nhìn và sứ mệnh

Phấn đấu trở thành biểu tượng và là một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe của cộng đồng. HDPHARMA luôn cung cấp tổng chất lượng tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu về một cuộc sống khỏe mạnh của khách hàng.

## 2. Các mục tiêu

- Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP và ISO hiện hành.
- Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.
- Trong tương lai trở thành một trong những doanh nghiệp đầu ngành của ngành dược phẩm Việt Nam.
- Cải tiến sản xuất, xây dựng hệ thống sản xuất thành sản xuất hiện đại.
- Hoàn thiện hệ thống bán hàng kênh OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước. Đưa mác hàng HDPHARMA và các mác hàng của công ty trở thành những thương hiệu trong các nhóm dẫn đầu
- Tăng tối đa thị phần của nhóm hàng sản xuất.
- Tăng tối đa độ phủ của nhóm hàng công ty tự sản xuất và phát triển thị phần.
- Xây dựng HDPHARMA thành công ty được quản lý theo tiêu chuẩn hiện đại, theo các qui trình, qui chuẩn nhất định.
- Phát triển nguồn nhân lực của công ty theo định hướng: khát vọng, hiện đại, nhiệt huyết, chuyên nghiệp.
- Liên doanh liên kết với các đối tác lớn trong ngành Dược để hợp tác sản xuất kinh doanh, trong đó có việc hợp tác xây dựng dây chuyền sản xuất chung.

## 3. Các cột trụ của chiến lược công ty

Chiến lược công ty được xây trên 3 hướng chính, 3 trụ cột:

- 3.1. Xây dựng hệ thống sản xuất hiện đại lấy chất lượng làm mục tiêu và tâm điểm là chuẩn EU-GMP;
  - Dây chuyền key thay vì sản phẩm key;
  - Phát triển khâu nghiên cứu phát triển, coi đó là yếu tố hàng đầu ảnh hưởng đến chất lượng;
  - Chất lượng có vai trò then chốt trong sản xuất Dược vì: cơ quan quản lý sẽ tăng yêu cầu, thị trường đòi hỏi.
- 3.2. Xây dựng hệ thống kinh doanh chuyên nghiệp, hiện đại, rộng khắp đất nước.
- 3.3. Thiết lập định hướng marketing cho mọi hoạt động của Công ty.

#### 4. Các kế hoạch cụ thể

- Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng sản xuất năm 2024 là: **436 tỷ** với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện công tác tổ chức sản xuất để cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.
- Kế hoạch doanh số kinh doanh năm 2024 là : **790 tỷ**.
- Đối với Nhà máy 1 (tại số 102 Chi Lăng): định hướng duy trì các dây chuyền sản xuất đến mức có thể, cho đến khi bắt buộc phải di dời.
- Đối với Nhà máy HDPHARMA EU: xây dựng giai đoạn 2 và giai đoạn 3 của dự án, cụ thể:
  - + Với nguồn lực về tài chính có hạn nên chúng ta buộc phải cắt nhỏ dự án làm nhiều phần, kéo theo lượng công việc tăng lên gấp 3 lần. Thêm nữa, theo thời gian, các quy định thay đổi dẫn đến rất khó khăn trong việc xin giấy phép, nhưng chúng ta buộc phải làm, không có cách nào khác. Điều đó làm những người Quản lý mất rất nhiều công sức.
  - + Giai đoạn 2 của dự án gồm 02 dây chuyền: “Xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc tiêm bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh CEPHALOSPORINA đạt tiêu chuẩn EU-GMP”.
  - + Xây dựng giai đoạn 3 của Dự án: Nhà văn phòng và các dây chuyền SX còn lại.
  - Phát triển tối đa thế mạnh của dây chuyền đạt chuẩn EU GMP.
  - Tăng cường công tác xuất khẩu.

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD công ty thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng của các Tiểu ban thuộc HĐQT và báo

cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD về tiến độ thực hiện, định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... tại các cuộc họp định kỳ hằng tháng và đột xuất của HĐQT. Qua đó nắm bắt tình hình của công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả nhất có thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý

và điều hành công ty, tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023. Các chỉ tiêu : nộp thuế, việc làm và thu nhập của người lao động, quyền lợi của cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghĩa vụ xã hội... đều được báo cáo đầy đủ và phản ánh đúng tình hình thực tế của Công ty. Năm 2023 hệ thống phân phối vẫn chưa hoàn thiện , sự ảnh hưởng của sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong ngành dược, sự giảm sút doanh số của nhóm hàng kinh doanh thương mại, ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đến sản xuất – kinh doanh vẫn còn, chiến tranh , xung đột lãnh thổ và kinh tế ... đã làm cho năm 2023 các chỉ tiêu cơ bản : giá trị sản lượng sản xuất, doanh số bán ra không hoàn thành kế hoạch đại hội đề ra.

Trong năm 2023 với tình hình kinh tế khó khăn , nhưng ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực hết mình để thực hiện các chiến lược của Đại hội nhiệm kỳ V đề ra, chấp hành tốt các nghị quyết của hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chấp hành tốt các chính sách pháp luật Nhà nước, thích ứng an toàn trong điều kiện vừa sản xuất -

kinh doanh trong khó khăn chung của nền kinh tế , phát huy tối đa năng lực sản xuất của công ty và kết quả là công ty vẫn duy trì ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động ,lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 5% và tăng trưởng 5% so với năm 2022 .  
Giá trị sản lượng SX tăng 3,94% so với năm 2022



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT**  
**CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LƯƠNG,**  
**THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH GIAO DỊCH CỔ PHIẾU**  
**CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Thành viên và cơ cấu Hội Đồng Quản Trị

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	8.331.972 CP
Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT/TGĐ	819.944 CP
Trần Phúc Dương	Thành viên HĐQT	828.494 CP

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Tên các tiểu ban	Nhiệm vụ	Đánh giá hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
<b>Hội đồng Khen thưởng Kỷ luật</b>	- Hội đồng tham gia xem xét phân tích trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định những hình thức khen thưởng, Tổng Giám đốc quyết định những hình thức kỷ luật đối với lao động.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng khoa học kỹ thuật</b>	- Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho HĐQT về những lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và chiến lược phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Xét và công nhận những đề tài nghiên cứu, những sáng kiến cải tiến.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng kiểm kê</b>	- Hội đồng xác định giá trị hàng hoá tài sản trên thực tế đến kỳ báo cáo hoặc số lượng tài sản, hàng hoá đến một thời điểm xác định lại giá trị.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng thanh lý</b>	- Hội đồng giúp HĐQT xác định những tài sản, hàng hoá không còn giá trị sử dụng được đánh giá lại hoặc huỷ bỏ	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng An toàn lao động</b>	- Tham gia, tư vấn với Tổng giám đốc và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, các nhiệm vụ của Công ty theo pháp luật quy định.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng nghiệm thu</b>	- Tư vấn cho Hội đồng quản trị, kiểm tra, xác nhận thực tế về chất lượng, số lượng tài sản cố định, máy móc thiết bị, công trình sửa chữa, xây dựng cơ bản hoàn thành theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ 10 lần, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; phê duyệt các dự án đầu tư; kế hoạch vay vốn ; báo cáo tài chính hàng quý, năm; kiện toàn cơ cấu nhân sự. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi dự họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	10	100%	
3	Ông Trần Phúc Dương	Thành viên HĐQT	10	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	10	100%	

## Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2023:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	64 / NQ/HĐQT	08/02/2023	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua số liệu báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2022</li><li>- Thành lập Tiểu ban tổ chức đại hội cổ đông và chuẩn bị các văn kiện, thủ tục pháp lý theo Luật và Điều lệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhiệm kỳ V (2019-2024) dự kiến vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.</li><li>- Thông qua dự kiến kế hoạch SX-KD năm 2023 để trình Đại Hội Cổ Đông năm 2023 thông qua.</li><li>- Gia hạn dự án xây dựng Nhà máy mới tại Cụm Công nghiệp Phường Cẩm Thượng - TPHD – Tỉnh Hải Dương theo QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số : 1111 / QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND Tỉnh Hải Dương .</li><li>- Hoàn thiện hồ sơ về thiết kế nhà xưởng, thiết kế công nghệ, MM-TB SX , giấy phép XD , nguồn vốn để triển khai dự án Nhà máy HDPHARMA tại Cẩm Thượng giai đoạn 2: “<i>Dây chuyền tân dược GMP EU nhóm kháng sinh Cephalosprosin với các dạng bào chế : Viên, Bột</i>”</li></ul>	3/3
2	65/BB-NQ/HĐQT	22/02/2023	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua số liệu báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.</li><li>- Thông qua các văn kiện, báo cáo trình đại hội và công tác tổ chức đại hội cổ đông năm 2023</li></ul>	3/3

3	68+69/ NQ/HĐQT	04/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2023.</li> <li>- Giao cho Tổng giám đốc , các phòng ban liên quan triển khai thực hiện các công việc có liên quan đến hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần , từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2023 phù hợp với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023</li> </ul>	3/3
4	70+71/BB- NQ/HĐQT	24/4/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tái cấp hạn mức vốn lưu động 70 tỷ tại NH BIDV Chi nhánh Hải Dương</li> </ul>	3/3
5	72+73/BB- NQ/HĐQT	04/5/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc Chốt danh sách cổ đông để nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2023.</li> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ phiếu phát hành . ngày 18/5/2023</li> </ul>	
6	74/BB- NQ/HĐQT	01/6/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ từ 149.970.850.000đ lên 203.996.300.000đ, hình thức tăng vốn là phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2023.</li> <li>- Sửa đổi Mục 1, Phụ lục 1 Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty</li> <li>- Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ : 203.996.300.000đ</li> <li>- Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung đối với : 5.399.845 Cổ phiếu đã phát hành để tăng vốn.</li> </ul>	3/3
7	75/BB- NQ/HĐQT	02/10/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua nghị quyết về việc vay vốn và phát hành bảo lãnh, mở L/C tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Dương</li> </ul>	3/3
8	76/BB- NQ/HĐQT	12/10/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua BCTC 9 tháng năm 2023</li> </ul>	3/3
9	77/BB- NQ/HĐQT	15/10/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Nghị quyết Tạm dừng việc triển khai Dự án xây dựng vùng dược liệu tại Chí Linh.</li> </ul>	3/3
10	78/BB- NQ/HĐQT	16/10/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua nghị quyết về việc vay vốn và phát hành bảo lãnh, tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Chi nhánh Hải Dương</li> </ul>	3/3

### **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2023, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

Thành viên của HĐQT độc lập có Ông Trần Phúc Dương . Trong năm 2023 các thành viên này có tham gia cùng với thành viên khác của HĐQT giải quyết các vấn đề phải thông qua HĐQT.

# BAN KIỂM SOÁT

## Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Phạm Thị Thuỷ	Trưởng ban kiểm soát	101.940 CP
Trần Kim Cương	Thành viên ban kiểm soát	106.409 CP
Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên ban kiểm soát	7.638 CP

## Hoạt động của Ban Kiểm Soát:

Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trong năm Ban kiểm soát đã phối hợp và làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động Công ty, góp phần đóng góp ý kiến để giải quyết các khó khăn phát sinh trong công tác điều hành hoạt động SX-KD của Công ty.

Ban Kiểm soát đã theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2023 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty.

Ban kiểm soát nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện; đồng thời xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc điều hành.

## Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2023

- ✓ Trong năm 2023 Ban Kiểm Soát không nhận được đơn thư khiếu nại nào của các cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, về sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động của công ty, các văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật doanh nghiệp và Điều lệ.
- ✓ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh : Năm 2023 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “Giá trị sản lượng sản xuất” và “Doanh thu sản xuất- kinh doanh” .
- ✓ Tổng doanh thu thuần: 614.742.735.938 đồng, đạt 78% so với kế hoạch 790 tỷ.
- ✓ Giá trị sản lượng sản xuất: 333.176.463.704 đồng; đạt 84,14% so với kế hoạch 396 tỷ.

- ✓ Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt: 31.514.069.929 đồng; so với kế hoạch Đại hội cổ đông thông qua tăng 5% tương ứng với số tiền là: 1.514.069.929 đồng.
  - ✓ Năm 2023 đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết đại hội cổ đông là 36% với số tiền là: 53.998.450.000 đồng, tương đương 5.399.845 cổ phiếu, đồng thời đã thực hiện đăng ký lưu ký cho số cổ phiếu trên, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông trong việc giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM.
  - ✓ Năm 2023 đã thực hiện trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt theo Nghị quyết đại hội cổ đông là 4% với số tiền: 5.999.914.000 đồng.
  - ✓ Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị là: 3% và Ban kiểm soát là: 1% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đúng điều lệ và nghị quyết của đại hội cổ đông thông qua.
  - ✓ Trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận.
  - ✓ Lựa chọn Chi nhánh công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 theo đúng qui định của Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp hiện hành.
- Về việc triển khai và đưa dự án vào hoạt động:
- ✓ Dây chuyền EU-GMP đã có giấy chứng nhận . HĐQT, Ban Giám đốc đã gấp rút triển khai đưa dây chuyền vào khai thác .
  - ✓ Giám sát việc Lập dự toán, Kế hoạch chi tiết để xây dựng giai đoạn 2 nhà máy HDPHARMA EU tại Phường Cẩm Thượng : “Xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc tiêm bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh CEPHALOSPORINA đạt tiêu chuẩn EU- GMP”.
- Công tác xây dựng Chi nhánh:
- ✓ Tháng 12/2022 đã ra QĐ thành lập Chi nhánh Công ty tại Cần Thơ và hoàn thiện các điều kiện kinh doanh cần thiết , tháng 3 năm 2023 chi nhánh đi vào hoạt động.

## LƯƠNG THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập năm 2023		
		Thù lao	Lương	Tổng thu nhập
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>917.244.228</b>	<b>549.539.962</b>	<b>1.463.784.190</b>
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	305.748.076	105.462.424	411.210.500
Nguyễn Thị Tú Anh	UV HĐQT	305.748.076	441.077.538	746.825.614
Trần Phúc Dương	UV HĐQT	305.748.076	0	305.748.076



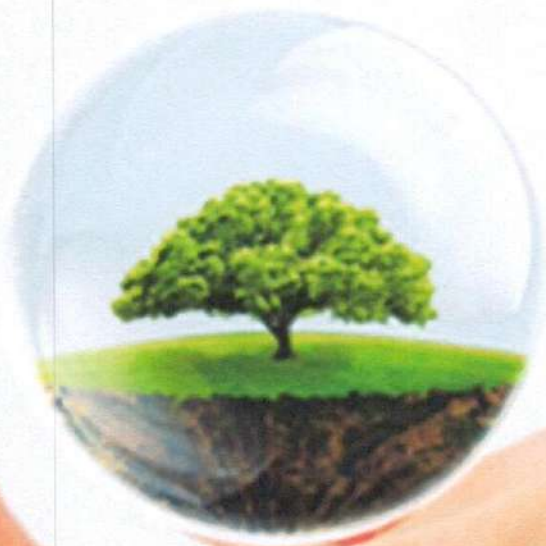
<b>Ban Kiểm Soát</b>		<b>306.565.875</b>	<b>812.109.911</b>	<b>1.118.675.786</b>
Phạm Thị Thủy	Trưởng BKS	102.188.625	396.879.222	499.067.847
Trần Kim Cương	TV. BKS	102.188.625	180.462.232	282.650.857
Nguyễn Thị Hương Lan	TV. BKS	102.188.625	234.768.457	336.957.082
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.223.810.103</b>	<b>1.361.649.873</b>	<b>2.582.459.976</b>

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN**  
(*thay đổi do phát hành cổ phiếu trả cổ tức + mua thêm cổ phiếu*)

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	6.096.450	40,64%	8.331.972	40,84%
Bà Trần Mai Lan	Là vợ Chủ tịch HĐQT	2.458.105	16,39%	3.343.022	16,39%
Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT/TGD	601.200	4,01%	819.944	4,01%
Nguyễn Trung Nam	Em trai Tổng Giám đốc	225.750	1,51%	307.020	1,51%
Ông Vũ Văn Xuyên	Chồng Tổng Giám đốc	346.125	2,31%	470.730	2,31%
Ông Trần Phúc Dương	Giám đốc khu vực Miền Nam	609.187	4,06%	828.494	4,06%
Bà Phạm Thị Thủy	Trưởng BKS	37.500	0,25%	101.940	0,5%
Bà Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên BKS	7.087	0,047%	7.638	0,037%
Ông Trần Kim Cương	Thành viên BKS	49.967	0,33%	106.409	0,52%
Trần Văn Oanh	Bố Ông Trần Kim Cương - TVBKS	147.467	0,98%	200.555	0,98%
Phạm Thị Nhạn	Mẹ đẻ Ông Trần Kim Cương	40.612	0,27%	55.232	0,27%
Chu Văn Long	Kế Toán Trưởng	54.017	0,36%	73.463	0,36%
Hồ Thị Ngọc Thanh	Vợ Ông Chu Văn Long	36.150	0,24%	49.164	0,24%

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## 2023



## THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển Bền vững của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương, các chính sách liên quan đến môi trường xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

### Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

### Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo thường được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của tổ chức sang kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và hướng dẫn làm BCTN tại thông tư 96/2020/TT- BTC của bộ Tài chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

### Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2023, bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc ngày 31/12/2023. Bắt đầu từ năm 2016, Công ty đã tiến hành lập Báo cáo phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

### Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương, Các đơn vị thành viên trong lĩnh vực dược phẩm và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

### Tính đảm bảo của báo cáo

Công ty tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của Công ty được nêu ra trong báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC.
- Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực Dược phẩm.

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Địa chỉ: Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0220.3853.848

Fax: 0220.3853.848

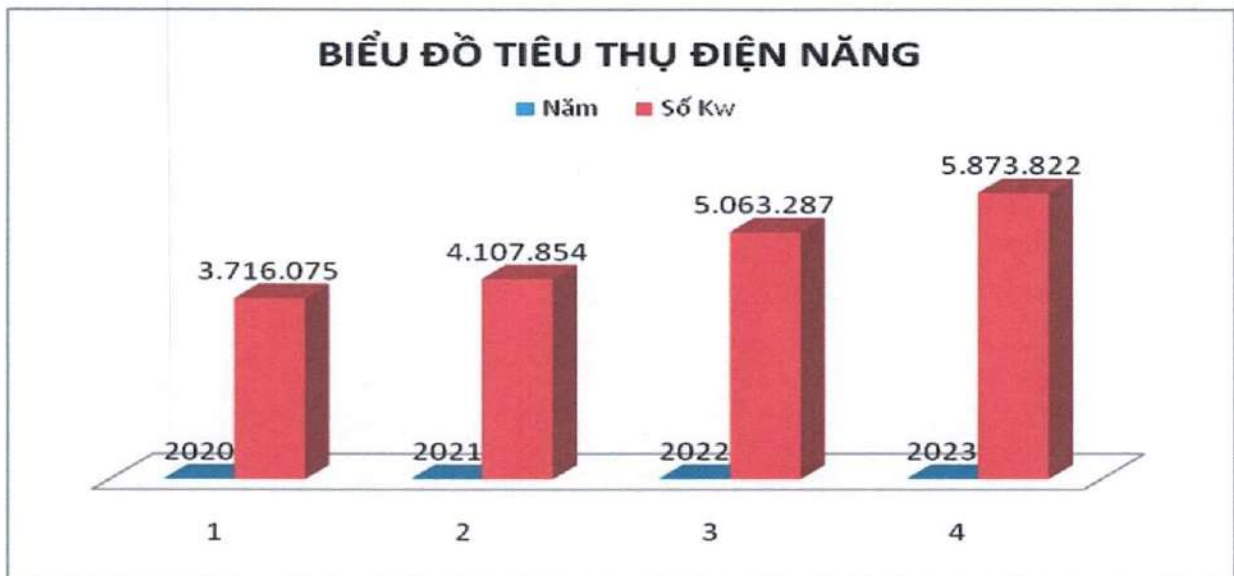
Email: [info@hdpharma.vn](mailto:info@hdpharma.vn)

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty đang trên đà phát triển và mở rộng quy mô trong những năm gần đây dẫn đến việc mức tiêu thụ năng lượng tăng lên.

Hiện Công ty sử dụng điện cho Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương cung cấp. Sản lượng tiêu thụ qua các năm như bảng sau:

Năm	Số Kw
2020	3.716.075
2021	4.107.854
2022	5.063.287
2023	5.873.822



Cùng với đầu tư thêm máy móc thiết bị cho SX và vận hành các dây chuyền hiện đại đã đầu tư, Công ty hiện tại đang áp dụng rất tốt chính sách tiết kiệm điện. Với mục tiêu quán triệt cho toàn thể CBNV Công ty tự ý thức tiết kiệm điện, thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- ✓ Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- ✓ Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên
- ✓ Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết
- ✓ Cài đặt chế độ làm mát từ 25 độ C trở lên
- ✓ Khi cài tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

## TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn nước của Công ty được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Nước sạch Hải Dương. Khối lượng nước tiêu thụ như bảng sau:

Sử dụng năm 2022		Sử dụng năm 2023	
Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Chi phí (đồng)	Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Chi phí (đồng)
73.551	1.066.634.500	91.735	1.330.157.500

Công ty vẫn luôn luôn chú trọng đến chính sách tiết kiệm nước và luôn luôn quán triệt cho toàn thể CBNV Công ty tự ý thức việc sử dụng tiết kiệm nước, thực hiện tiết kiệm tài nguyên nước tại cơ quan cũng như gia đình và ngoài xã hội.



## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Số lượng 2023 (người)	Tỷ trọng 2023 (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
11	Trình độ Đại học và trên Đại học	235	27,78%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	530	62,65%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	39	4,61%
4	Lao động phổ thông	42	4,96%
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>		
1	Lao động trực tiếp	695	82,15%
2	Lao động gián tiếp	151	17,85%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	365	43,14%
2	Nữ	481	56,86%
<b>IV</b>	<b>Theo chức vụ</b>		
1	Quản lý	69	8,16%
2	Văn phòng + Khối kinh doanh	543	64,18%
3	Công nhân	234	27,66%



Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CBCNV, tuân thủ quy định của pháp luật về người lao động. Hơn thế nữa, Công ty là doanh nghiệp có trụ sở chính tại Tỉnh Hải Dương không phải tại Thành phố lớn hay TP trực thuộc trung ương nên công tác tuyển dụng có gặp những khó khăn nhất định. Chính vì thế, Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và thâm niên lâu dài tại Công ty.

Người lao động làm việc tại Công ty được tham gia BHXH-BHYT-BHTN theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, Công ty còn thường thêm ngoài tiền lương cho người lao động vào các ngày Lễ, Tết; tặng tiền/ quà nhân ngày sinh nhật, hỗ trợ tiền điện thoại cho Cán bộ quản lý và cán bộ một số đơn vị; có chính sách hỗ trợ thêm đối với lao động nữ sinh con và nuôi con nhỏ (hỗ trợ tiền khi sinh con, giảm thời gian làm việc,...), khám sức khỏe định kỳ cho người lao động,...



Vào các dịp Lễ, công ty phối hợp với các đoàn thể khác tổ chức giải thể thao, văn hóa văn nghệ, tổ chức tham quan du lịch cho CBCNV; gặp mặt, khen thưởng cho con em CBCNV có thành tích học tập tốt, tặng quà nhân ngày tết Thiếu nhi, Trung thu, gặp mặt, giúp đỡ, động viên những CBCNV có hoàn cảnh khó khăn,...





**Công tác đảm bảo an toàn**

Thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động của Công ty, Hội đồng xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động cho từng năm, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn. Mạng lưới an toàn vệ sinh được xây dựng đến từng tổ sản xuất, tham gia các lớp huấn luyện do Công ty và Sở lao động thương binh và xã hội tổ chức. Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình sản xuất. Các loại vật liệu dễ cháy, nổ có nơi cất giữ riêng biệt.



Kho chứa, bình đựng được bảo đảm thiết kế bộ phận an toàn, có thiết kế thiết bị theo dõi nhiệt độ, báo cháy, bố trí mạng lưới đường ống dẫn nước phòng cháy đến tất cả các phân xưởng sản xuất, đặc các họng cứu hỏa tại các điểm gần khu sản xuất, nhà kho. Xây dựng đội phòng chống cháy nổ đảm nhiệm công tác phòng cháy chữa cháy cho khu vực Công ty. Đội phòng cháy chữa cháy luôn luôn được tập huấn theo định kỳ. Tất cả công nhân trực tiếp làm việc trong các bộ phận có khả năng xảy ra cháy nổ. Bên cạnh đó, Công ty luôn có phương án phòng cháy chữa cháy được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Công an Tỉnh Hải Dương thẩm duyệt ngay từ khi xây dựng và đưa vào sử dụng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp trong khu vực nhà ở dọc theo các trục đường giao thông và hành lang công trình kết hợp bố trí các dụng cụ chữa cháy như bình CO2, bình bột,... đặt ở những địa điểm thao tác thuận lợi trong các công trình.



### Duy trì hoạt động của Tổ quản lý môi trường

Tổ quản lý môi trường được thành lập với trách nhiệm quản lý môi trường chung trong toàn khu vực Công ty. Tổ quản lý môi trường có trách nhiệm điều tra, giám sát và đôn đốc các cán bộ nhân viên trong Công ty giữ gìn vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát các nguy cơ gây sự cố môi trường. Lập kế hoạch tư vấn giám sát môi trường trong khu vực sản xuất cũng như các khu vực xung quanh theo định kỳ và chịu trách nhiệm về các vấn đề môi trường liên quan khác

### Hoạt động đào tạo

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch và yêu cầu thực tế của các đơn vị, Công ty tổ chức đào tạo bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn cho người lao động

- Hoạt động đào tạo nội bộ: do Cán bộ quản lý của Công ty trực tiếp giảng dạy. Đối tượng là CBCNV, người lao động làm việc tại các phòng, ban, phân xưởng liên quan trực tiếp đến sản xuất (đào tạo về GMP, ATVSLEĐ, PCCC..)



- Công ty cử cán bộ tại các phòng/ban liên quan tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn sâu do các cơ quan, đơn vị cấp trên tổ chức trong nhiều lĩnh vực: kiểm nghiệm, đảm bảo chất lượng, công tác nghiên cứu, công tác kế toán, công tác tiền lương, nghiệp vụ bảo hiểm, an toàn lao động...

- Công ty mời các đơn vị về đào tạo cho cán bộ: các lớp đào tạo kỹ năng bán hàng, đào tạo chuyên sâu về an toàn vệ sinh lao động.

## TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Song song với việc sản xuất kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội để chung tay đẩy mạnh phát triển xã hội:

- ✓ Đóng góp từ thiện nhân đạo cho các tổ chức, đoàn thể xã hội như: Đoàn thanh niên, Liên đoàn LĐ.
- ✓ Ủng hộ người nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.
- ✓ Phối hợp cùng các đơn vị trong ngành Y tế Hải Dương tổ chức khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, Hỗ trợ các bệnh viện về các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc khám chữa bệnh,...
- ✓ Trích nộp các quỹ: Vì người nghèo, Quỹ chất độc da cam,... đầy đủ.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ  
HẢI DƯƠNG**

## MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	09 - 37

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 1. Thông tin chung về Công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 20 ngày 07 tháng 06 năm 2023 với mã số doanh nghiệp là 0800011018.

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2023 là sản xuất, thương mại, kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp là: 203.996.300.000 đồng (Hai trăm lẻ ba tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn).

Trụ sở chính: số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

### 3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm 2023 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

### 4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng thành viên; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị:

Ông	Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch
Ông	Trần Phúc Dương	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Tú Anh	Ủy viên

#### Ban kiểm soát

Bà	Phạm Thị Thùy	Trưởng Ban kiểm soát
Ông	Trần Kim Cương	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc
Ông	Đặng Văn Việt	Giám đốc chất lượng
Ông	Phạm Văn Năm	Giám đốc kinh doanh
Ông	Chu Văn Long	Kế toán trưởng

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp như sau

Ông	Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT
Bà	Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc

### 5. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính tổng hợp thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính tổng hợp bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh  
Tổng Giám đốc

ÁNH  
TNHI  
OÁN  
TIN H  
AISC  
3-TP

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi:****QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được lập ngày 25 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC**



**Nguyễn Thị Phương**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 4945-2024-005-1

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 4891-2024-005-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>266.604.877.103</b>	<b>264.049.750.095</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>25.418.100.057</b>	<b>39.364.911.883</b>
1. Tiền	111		25.418.100.057	39.364.911.883
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>135.831.193.325</b>	<b>112.337.473.798</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	100.303.524.265	105.844.799.926
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.971.847.019	5.057.364.009
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	6.555.822.041	1.435.309.863
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>104.353.518.072</b>	<b>111.162.799.917</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	104.353.518.072	111.162.799.917
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.002.065.649</b>	<b>1.184.564.497</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	764.114.654	965.575.656
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12b	237.950.995	111.442.133
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	0	107.546.708
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>312.380.892.842</b>	<b>313.087.087.251</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>294.215.719.104</b>	<b>296.745.834.976</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	275.964.368.748	278.326.265.230
- Nguyên giá	222		470.820.088.025	453.007.762.306
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(194.855.719.277)	(174.681.497.076)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8b	18.251.350.356	18.419.569.746
- Nguyên giá	228		25.557.287.846	25.557.287.846
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.305.937.490)	(7.137.718.100)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>10.635.029.498</b>	<b>8.392.694.175</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.635.029.498	8.392.694.175
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.530.144.240</b>	<b>7.948.558.100</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	7.530.144.240	7.948.558.100
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>578.985.769.945</b>	<b>577.136.837.346</b>

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>158.850.659.496</b>	<b>182.210.134.750</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>156.619.610.736</b>	<b>179.878.902.299</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	47.347.613.820	77.374.303.641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	11.778.900.004	15.554.968.814
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	2.550.168.386	3.251.274.410
4. Phải trả người lao động	314		1.111.462.920	257.900.686
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	474.547.567	974.516.324
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	836.867.098	323.390.910
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	5.000.401.347	2.053.963.847
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	80.569.098.470	72.928.670.543
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.950.551.124	7.159.913.124
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.231.048.760</b>	<b>2.331.232.451</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	2.205.871.533	2.242.746.633
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		25.177.227	88.485.818
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>420.135.110.449</b>	<b>394.926.702.596</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>420.135.110.449</b>	<b>394.926.702.596</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		203.996.300.000	149.997.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		203.996.300.000	149.997.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	28.720.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		174.594.214.888	174.594.214.888
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.544.595.561	41.614.637.708
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		10.268.002.632	11.915.661.908
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		31.276.592.929	29.698.975.800
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>578.985.769.945</b>	<b>577.136.837.346</b>

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Quốc Tuấn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Chu Văn Long

TỔNG GIÁM ĐỐC


  
Nguyễn Thị Tú Anh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	616.251.015.860	617.509.928.191
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.508.279.922	1.674.723.133
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	614.742.735.938	615.835.205.058
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	426.688.430.719	442.906.586.466
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		188.054.305.219	172.928.618.592
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	426.708.493	197.360.639
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.539.743.135	6.473.171.683
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.492.844.385	3.979.357.536
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	68.644.819.855	61.042.684.185
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.bb	72.660.901.541	69.102.574.001
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		38.635.549.181	36.507.549.362
11. Thu nhập khác	31	VI.7a	892.870.536	1.717.879.103
12. Chi phí khác	32	VI.7b	36.500.000	459.744.343
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		856.370.536	1.258.134.760
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		39.491.919.717	37.765.684.122
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	7.977.849.788	7.757.629.022
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		31.514.069.929	30.008.055.100
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.545	1.471
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.545	1.471

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Quốc Tuấn

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Chu Văn Long

TỔNG GIÁM ĐỐC


  
Nguyễn Thị Tú Anh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	39.491.919.717	37.765.684.122
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	23.108.369.633	25.042.900.369
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.058.882	99.327.791
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(31.000.434)	(53.880.961)
- Chi phí lãi vay	06	5.492.844.385	3.979.357.536
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	68.064.192.183	66.833.388.857
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(23.620.228.389)	11.546.912.926
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	6.809.281.845	(19.989.613.576)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(31.871.696.087)	(4.999.864.585)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	619.874.862	2.806.449.106
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.492.844.385)	(3.979.357.536)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.697.509.222)	(7.074.220.731)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(209.362.000)	(499.835.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.601.708.807	44.643.859.461
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(21.181.774.363)	(12.684.498.847)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	27.272.728
3. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.000.434	26.608.233
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.150.773.929)	(12.630.617.886)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	187.606.060.837	171.146.147.335
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(180.002.508.010)	(176.565.247.905)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.999.914.000)	(5.999.944.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.603.638.827	(11.419.044.570)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	(13.945.426.295)	20.594.197.005
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.364.911.883	18.834.364.200
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.385.531)	(63.649.322)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	25.418.100.057	39.364.911.883

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Quốc Tuấn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Chu Văn Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Tú Anh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 20 ngày 07 tháng 06 năm 2023 với mã số doanh nghiệp là 0800011018.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp là: 203.996.300.000 đồng (Hai trăm lẻ ba tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn).

**2. Hình thức sở hữu vốn:**

Trụ sở chính: số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

**3. Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2023 là sản xuất, thương mại, kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu.

**4. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, dược liệu, hóa chất và tinh dầu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất vật tư y tế;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn thực phẩm khác. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Chi tiết: Bán buôn hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, dùng cho bệnh viện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, vật tư y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.  
Chi tiết: Bán lẻ tinh dầu, dược liệu, máy móc - thiết bị y tế, hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, hóa chất dùng cho bệnh viện;
- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng cây dược liệu; Chăn nuôi khác. Chăn nuôi tác kè, rắn (được Nhà nước cho phép);
- In ấn;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý. Chi tiết: Đại lý mua bán thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng, địa điểm kinh doanh, cửa hàng, nhà kho, nhà ở, bến bãi;
- Khách sạn; Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn bia, rượu, nước giải khát;
- Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

**5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không có

**7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 706 người. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 752 người)****8. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 phần lớn khối văn phòng và khối sản xuất của Công ty được đặt tại địa chỉ 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ngoài ra, Công ty có 9 chi nhánh trực thuộc trong và ngoài tỉnh:

- |                         |                                    |
|-------------------------|------------------------------------|
| 1. Chi nhánh Cẩm Giàng  | 6. Chi nhánh Miền Trung            |
| 2. Chi nhánh Hà Nội     | 7. Chi nhánh Tứ Kỳ                 |
| 3. Chi nhánh Thanh Miện | 8. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4. Chi nhánh Ninh Giang | 9. Chi nhánh Hải Dương I           |
| 5. Chi nhánh Cần Thơ    |                                    |

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 9. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế**

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh của ngân hàng phục vụ.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán**

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;

- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 26 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3- 5 năm

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm lợi thế quyền thuê đất, chi phí thẩm định dự án và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ:** Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định:** Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng. Riêng chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 48 tháng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

**11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và khoản doanh thu tương ứng với giá trị dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong việc đăng ký nhãn hiệu sản phẩm tại Việt Nam.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

**12. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp và các hoạt động doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng thành viên, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**21. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Tiền</b>	<b>25.418.100.057</b>	<b>39.364.911.883</b>
Tiền mặt	10.799.055.780	13.421.053.525
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.619.044.277	25.943.858.358
<b>Cộng</b>	<b>25.418.100.057</b>	<b>39.364.911.883</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>100.303.524.265</b>	<b>0</b>	<b>105.844.799.926</b>	<b>0</b>
Trung tâm Y tế Huyện Nam Sách	5.418.561.818	0	5.006.421.142	0
Công ty TNHH Golden Health USA (KH)	5.024.803.616	0	5.761.677.894	0
Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ	4.125.665.085	0	2.189.432.268	0
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương	2.536.629.595	0	4.793.254.143	0
Trung tâm y tế huyện Ninh Giang	2.454.369.932	0	1.345.528.492	0
KARUNA PHARMA	2.369.396.748	0	1.153.585.640	0
Công ty Cổ Phần Dược Tâm Dược	1.988.865.915	0	983.438.300	0
Công ty TNHH Dược Phẩm Hà Việt	1.935.907.612	0	718.021.679	0
Công ty cổ phần dược phẩm trung ương CPC1-Chi nhánh Nghệ An	1.631.422.453	0	442.262.808	0
Công ty Cổ phần Dược Tuyên Quang	1.538.574.150	0	1.040.643.950	0
Khách hàng khác	71.279.327.341	0	82.410.533.610	0
<b>Cộng</b>	<b>100.303.524.265</b>	<b>0</b>	<b>105.844.799.926</b>	<b>0</b>

## 3. Trả trước cho người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
IMA Pacific Company Limited	21.242.959.500	0	0	0
GMBH	4.082.243.787	0	0	0
GEA Process Engineering (India) Pvt Ltd (Unit II, 100% EOU)	1.008.706.041	0	0	0
Công ty TNHH KT cơ điện lạnh Quý Long	0	0	822.552.500	0
Công ty Cổ phần thiết bị MPM	0	0	550.004.672	0
Công ty TNHH chế tạo máy Dược phẩm Tiến Tuấn	0	0	585.625.268	0
Các đối tượng khác	2.637.937.691	-	3.099.181.569	-
<b>Cộng</b>	<b>28.971.847.019</b>	<b>-</b>	<b>5.057.364.009</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	655.822.041	0	1.435.309.863	0
Phải thu khác	50.000.500	0	56.019.797	0
Tạm ứng	529.296.961	0	638.499.257	0
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	76.524.580	0	740.790.809	0
b. Phải thu khác là các bên liên quan	5.900.000.000	0	0	0
Ông Nguyễn Trung Việt	5.900.000.000	0	0	0
Cộng	6.555.822.041	0	1.435.309.863	0

5. Hàng tồn kho	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	43.389.626.677	0	55.113.441.164	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.077.165.902	0	11.209.490.175	0
Thành phẩm	47.565.868.057	0	34.902.521.440	0
Hàng hóa	8.320.857.436	0	9.937.347.138	0
Cộng	104.353.518.072	0	111.162.799.917	0

6. Chi phí trả trước	31/12/2023	01/01/2023
	a. Chi phí trả trước ngắn hạn	764.114.654
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	764.114.654	965.575.656
b. Chi phí trả trước dài hạn	7.530.144.240	7.948.558.100
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	4.337.834.122	499.834.506
Chi phí tư vấn GMP WHO và GMP EU Nhà máy Cẩm Thượng	3.192.310.118	7.448.723.594
Cộng	8.294.258.894	8.914.133.756

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Thuyết minh TSCĐ**

Khoản mục	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư 01/01/2023	165.203.016.373	264.831.500.736	19.624.113.384	3.349.131.813	453.007.762.306
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.569.486.370	0	0	0	5.569.486.370
Mua sắm mới	0	14.399.499.612	640.416.370	32.160.000	15.072.075.982
Thanh lý, nhượng bán	(414.989.084)	(1.978.291.275)	0	(435.956.274)	(2.829.236.633)
Số dư 31/12/2023	170.357.513.659	277.252.709.073	20.264.529.754	2.945.335.539	470.820.088.025
<b>GIÁ TRỊ CÒN LỖY KẾ</b>					
Số dư 01/01/2023	48.103.339.573	106.044.378.807	17.236.780.311	3.296.998.385	174.681.497.076
Trích khấu hao trong năm	4.850.970.446	16.813.273.444	1.313.663.797	25.551.147	23.003.458.834
Thanh lý, nhượng bán	(414.989.084)	(1.978.291.275)		(435.956.274)	(2.829.236.633)
Số dư 31/12/2023	52.539.320.935	120.879.360.976	18.550.444.108	2.886.593.258	194.855.719.277
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư 01/01/2023	117.099.676.800	158.787.121.929	2.387.333.073	52.133.428	278.326.265.230
Số dư 31/12/2023	117.818.192.724	156.373.348.097	1.714.085.646	58.742.281	275.964.368.748

\* Giá trị còn lại của TSCDDHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

\* Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2023 hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ:

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	0	20.651.287.846	4.906.000.000	25.557.287.846
Số dư cuối năm	0	20.651.287.846	4.906.000.000	25.557.287.846
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	0	2.399.937.490	4.737.780.610	7.137.718.100
<i>Khấu hao trong năm</i>	0	0	168.219.390	168.219.390
Số dư cuối năm	0	2.399.937.490	4.906.000.000	7.305.937.490
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	0	18.251.350.356	168.219.390	18.419.569.746
Số dư cuối năm	0	18.251.350.356	-	18.251.350.356

\* Nguyên giá TSCĐ vô hình tại 31/12/2023 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

7.305.937.490 đ

## 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí TV tiêu chuẩn EU GMP của DA nhà máy Cẩm Thượng GD 2	4.379.453.300	1.046.647.790
Chi phí đầu tư xây dựng Nhà văn phòng và bán hàng CN Cần Thơ	0	3.381.312.557
Chi phí tư vấn + thiết kế và ĐTXD Dây chuyền Cepharlosprorin GMPEU - Dự án GD2	600.000.000	0
- Giá trị quyền sử dụng đất L09-54, L09-53 Tại Cần Thơ	5.655.576.198	3.964.733.828
<b>Cộng</b>	<b>10.635.029.498</b>	<b>8.392.694.175</b>

## 10. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>47.347.613.820</b>	<b>47.347.613.820</b>	<b>77.374.303.641</b>	<b>77.374.303.641</b>
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vạn Xuân	3.011.560.416	3.011.560.416	3.011.560.416	3.011.560.416
Công ty Cổ phần hóa dược quốc tế Hà Nội	2.262.203.250	2.262.203.250	2.662.644.875	2.662.644.875
Công ty TNHH Đắc Hà	2.022.065.505	2.022.065.505	2.053.404.989	2.053.404.989
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	1.610.720.922	1.610.720.922	1.740.605.045	1.740.605.045
Công ty cổ phần Thủy Tinh Hưng Phú	1.445.850.000	1.445.850.000	718.956.000	718.956.000
Công ty cổ phần trang thiết bị Y tế Dược phẩm Hoàng Ngọc	1.427.078.125	1.427.078.125	2.185.950.000	2.185.950.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Phải trả người bán (tiếp theo)	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương Mại Và Sản Xuất Đông Âu	1.371.194.437	1.371.194.437	2.775.258.467	2.775.258.467
Công Ty TNHH Sản xuất Bao Bì Và Thương Mại Đức Thành	1.199.184.480	1.199.184.480	2.242.003.488	2.242.003.488
SINOBRIGHT PHARMA CO., LIMITED	1.157.034.000	1.157.034.000	0	0
Hợp tác xã Thủy Tinh Hồng Quang	1.125.388.697	1.125.388.697	267.461.901	267.461.901
Khách hàng khác	30.715.333.988	30.715.333.988	59.716.458.460	59.716.458.460
<b>Cộng</b>	<b>47.347.613.820</b>	<b>47.347.613.820</b>	<b>77.374.303.641</b>	<b>77.374.303.641</b>
<b>11. Người mua trả tiền trước</b>			<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>			<b>11.778.900.004</b>	<b>15.554.968.814</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoàng Giang			1.014.147.867	4.272.765.000
Công ty TNHH Thương mại Nga Việt			0	60.060.000
Summer Jordan for Storage & General Trading			0	1.223.560.000
Công ty Cổ phần World Roche			738.280.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Dược VP-PHARM			385.016.065	471.444.000
Công ty TNHH Golden Health USA			323.155.000	597.350.000
Các khách hàng khác			9.318.301.072	8.179.789.814
<b>Cộng</b>			<b>11.778.900.004</b>	<b>15.554.968.814</b>
<b>12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
	<b>01/01/2023</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>31/12/2023</b>
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế GTGT		41.083.840.958	41.083.402.298	438.660
Thuế XNK		102.203.297	102.203.297	0
Thuế TNDN (*)	2.651.253.105	7.977.849.788	8.791.667.422	1.837.435.471
Thuế thu nhập cá nhân	600.021.305	1.908.390.738	1.796.117.788	712.294.255
Tiền thuê đất	0	1.270.897.846	1.270.897.846	0
Thuế khác	0	173.530.678	173.530.678	0
<b>Cộng</b>	<b>3.251.274.410</b>	<b>52.516.713.305</b>	<b>53.217.819.329</b>	<b>2.550.168.386</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế GTGT	107.546.708	107.546.708	0	0
<b>Cộng</b>	<b>107.546.708</b>	<b>107.546.708</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**(\*) Trong đó, thuế TNDN đã thực nộp trong năm:**

- Thuế TNDN đã nộp vào NSNN:	8.697.509.222
- Thuế TNDN được miễn giảm (phần chi cho lao động nữ):	94.158.200
<b>Cộng</b>	<b>8.791.667.422</b>

**Thuế TNDN đã phải nộp trong năm:**

- Thuế TNDN phải nộp năm 2023	7.977.849.788
<b>Cộng</b>	<b>7.977.849.788</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Mức thuế suất
Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh	10%
Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng thực phẩm chức năng	5%
Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng thuốc xuất khẩu, bán vào khu phi thuế quan theo quy định của Thủ tướng Chính phủ	0%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ tất cả các hoạt động nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Mức tiền thuê
Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương	từ 66.902 đồng/m <sup>2</sup>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả	31/12/2023	01/01/2023
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>474.547.567</b>	<b>974.516.324</b>
Tiền lương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký	237.937.963	206.000.000
Chi phí phải trả khác	236.609.604	768.516.324
<b>Cộng</b>	<b>474.547.567</b>	<b>974.516.324</b>
<b>14. Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cho thuê văn phòng	836.867.098	323.390.910
<b>Cộng</b>	<b>836.867.098</b>	<b>323.390.910</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Phải trả khác	31/12/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn		
KH gia công đặt tiền đăng ký sp trong và ngoài nước đang trong quá trình thực hiện chưa quyết toán:	5.000.401.347	2.053.963.847
<i>Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm IPP</i>	1.780.000.000	0
<i>Mega Lifesciences Public Company Limited</i>	0	1.421.100.000
<i>Công ty Cổ phần thương mại Dược phẩm Alpha Pháp</i>	300.000.000	0
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Santa Việt Nam</i>	300.000.000	0
<i>Khách hàng khác</i>	2.620.401.347	632.863.847
<b>Cộng</b>	<b>5.000.401.347</b>	<b>2.053.963.847</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 16. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>80.569.098.470</b>	<b>80.569.098.470</b>	<b>187.606.060.837</b>	<b>179.965.632.910</b>	<b>72.928.670.543</b>	<b>72.928.670.543</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Dương (1)	-	-	-	4.302.087.574	4.302.087.574	4.302.087.574
Ngân hàng TMCP Công thương Hải Dương (2)	19.153.693.479	19.153.693.479	30.832.999.233	11.679.305.754	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương (3)	17.773.476.904	17.773.476.904	50.383.833.197	32.610.356.293	-	-
Ngân hàng BIDV Chi nhánh Trần Hưng Đạo (4)	43.260.928.087	43.260.928.087	106.389.228.407	131.373.883.289	68.245.582.969	68.245.582.969
Vay cán bộ nhân viên	381.000.000	381.000.000			381.000.000	381.000.000
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>2.205.871.533</b>	<b>2.205.871.533</b>	<b>-</b>	<b>36.875.100</b>	<b>2.242.746.633</b>	<b>2.242.746.633</b>
Vay cán bộ nhân viên (5)	2.205.871.533	2.205.871.533	-	36.875.100	2.242.746.633	2.242.746.633
<b>Cộng</b>	<b>82.774.970.003</b>	<b>82.774.970.003</b>	<b>187.606.060.837</b>	<b>180.002.508.010</b>	<b>75.171.417.176</b>	<b>75.171.417.176</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### Thuyết minh chi tiết vay các khoản vay:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 12317.22.270.1150261.TD ngày 28/03/2022; Mục đích vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế và trang thiết bị y tế của Khách hàng. Hạn mức cho vay: 56.000.000.000; Lãi suất cho vay quy định cụ thể trên giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân. Thời hạn cho vay của từng khoản vay ghi trên Giấy nhận nợ: Không quá 6 tháng/ khế ước. Thời hạn duy trì hạn mức: Từ 28/03/2022 đến 16/03/2023. Khoản vay đã được tất toán trong kỳ.
- (2) Hợp đồng cho vay hạn mức số 02.10/2023-HĐCVHM/NHCT340-DUOCVTYT ngày 18/10/2023; Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND. Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư thiết bị y tế. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: lãi suất cho vay được quy định trên Giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 16.09/CNHD9/2016/HĐTC/DUOC-VTYT ngày 19/09/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp kèm theo.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 2239308.23 ngày 05/11/2023; Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích: đáp ứng nhu cầu về mua hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm vật tư và thiết bị y tế theo đăng ký kinh doanh. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: quyền đòi nợ các khoản phải thu từ các khách hàng trong danh sách được nêu trong hợp đồng tín dụng này.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2023/222776/HĐTD ngày 27/04/2023; Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất: lãi suất cho vay được quy định trên Giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Hệ thống máy móc thiết bị ngành y tế và Tài sản gắn liền với đất của công ty.
- (5) Bao gồm các hợp đồng vay cán bộ công nhân viên có thời hạn trên 12 tháng, lãi suất 6 tháng đầu năm là 7%/năm, 6 tháng cuối năm là 6%/năm, không có tài sản đảm bảo.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>119.998.880.000</b>	<b>28.720.000.000</b>	<b>174.594.214.888</b>	<b>47.987.663.708</b>	<b>371.300.758.596</b>
Lợi nhuận	0	0	0	30.008.055.100	30.008.055.100
Tăng vốn	29.998.970.000	0	0	0	29.998.970.000
Chia cổ tức	0	0	0	(35.998.914.000)	(35.998.914.000)
Giảm khác	0	0	0	(382.167.100)	(382.167.100)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>149.997.850.000</b>	<b>28.720.000.000</b>	<b>174.594.214.888</b>	<b>41.614.637.708</b>	<b>394.926.702.596</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>149.997.850.000</b>	<b>28.720.000.000</b>	<b>174.594.214.888</b>	<b>41.614.637.708</b>	<b>394.926.702.596</b>
Lợi nhuận	0	0	0	31.514.069.929	31.514.069.929
Tăng vốn (i)	53.998.450.000	(28.720.000.000)	0	(25.278.450.000)	0
Chia cổ tức (ii)	0	0	0	(5.999.914.000)	(5.999.914.000)
Giảm khác	0	0	0	(305.748.076)	(305.748.076)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>203.996.300.000</b>	<b>-</b>	<b>174.594.214.888</b>	<b>41.544.595.561</b>	<b>420.135.110.449</b>

(i) Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn chủ sở hữu từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo tỷ lệ 100:36 (người sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 36 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 67/NQ-ĐHCĐ-DHD ngày 31/3/2023. Cụ thể như sau

+ Thặng dư vốn cổ phần	28.720.000.000	đồng
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tối đa	25.278.450.000	đồng
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.998.450.000</b>	

Công ty đã hoàn tất việc thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu theo quyết định số 614/QĐ-SGDHN ngày 19/06/2023 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo đó số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung là 5.399.845 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu, giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung (theo mệnh giá): 53.998.450.000 đồng.

(ii) Công ty trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2022 (tỷ lệ 4%) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 67/NQ-ĐHCĐ-DHD ngày 31/3/2023

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 17. Vốn góp chủ sở hữu (tiếp theo)

## b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của Cổ đông khác	203.996.300.000	100,00%	149.997.850.000	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>203.996.300.000</b>	<b>100%</b>	<b>149.997.850.000</b>	<b>100%</b>

## c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu	203.996.300.000	149.997.850.000
Vốn góp đầu năm	149.997.850.000	119.998.880.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	53.998.450.000	29.998.970.000
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	0	0
Vốn góp cuối năm	203.996.300.000	149.997.850.000
Lợi nhuận đã chia	31.278.364.000	35.998.914.000

## đ. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.399.630	14.999.785
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.399.630	14.999.785
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.399.630	14.999.785
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.399.630	14.999.785
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

## e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	174.594.214.888	174.594.214.888
<b>Cộng</b>	<b>174.594.214.888</b>	<b>174.594.214.888</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

## 18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2023	01/01/2023
USD	54.244,08	192.393,23
EUR	8.018,02	9.119,71

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2023	Năm 2022
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	603.985.385.248	614.386.246.371
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.265.630.612	3.123.681.820
<b>Cộng</b>	<b>616.251.015.860</b>	<b>617.509.928.191</b>
<b>b. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Chiết khấu thương mại	59.657.231	24.018.235
Giảm giá hàng bán	12.906.242	25.327.841
Hàng bán bị trả lại	1.435.716.449	1.625.377.057
<b>Cộng</b>	<b>1.508.279.922</b>	<b>1.674.723.133</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	602.477.105.326	612.711.523.238
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	12.265.630.612	3.123.681.820
<b>Cộng</b>	<b>614.742.735.938</b>	<b>615.835.205.058</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	426.688.430.719	442.906.586.466
<b>Cộng</b>	<b>426.688.430.719</b>	<b>442.906.586.466</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.000.434	26.608.233
Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	395.708.059	170.750.156
Doanh thu tài chính khác	0	2.250
<b>Cộng</b>	<b>426.708.493</b>	<b>197.360.639</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Chi phí lãi vay	5.492.844.385	3.979.357.536
Chiết khấu thanh toán	2.257.789.390	2.077.437.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	737.050.478	272.048.641
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	2.058.882	99.327.791
Chi phí tài chính khác	50.000.000	45.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.539.743.135</b>	<b>6.473.171.683</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
<b>6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	46.465.664.494	42.372.689.909
Chi phí vật liệu bao bì	0	3.218.240
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.750.758.629	2.840.034.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.110.086.762	6.063.508.613
Chi phí bằng tiền khác	13.318.309.970	9.763.232.934
<b>Cộng</b>	<b>68.644.819.855</b>	<b>61.042.684.185</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	33.589.965.013	29.682.184.220
Chi phí vật liệu quản lý	4.332.767.438	3.653.954.749
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.292.679.702	5.210.853.437
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.434.458.746	7.385.048.455
Thuế, phí và lệ phí	1.369.185.305	1.451.535.179
Chi phí sửa chữa TSCĐ	3.122.983.924	1.817.950.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.095.560.303	5.684.340.895
Chi phí bằng tiền khác	13.423.301.110	14.216.706.416
<b>Cộng</b>	<b>72.660.901.541</b>	<b>69.102.574.001</b>
<b>7. a. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	0	27.272.728
Trong đó		
+ Thu thanh lý TSCĐ	0	27.272.728
+ Giá trị còn lại của TSCĐ	0	0
+ Thu thuần thanh lý	0	27.272.728
- Thu nhập khác	892.870.536	1.690.606.375
<b>Cộng</b>	<b>892.870.536</b>	<b>1.717.879.103</b>
<b>7. b. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Chi phí thanh lý tài sản	0	459.744.343
Tiền phạt thuế	36.500.000	0
<b>Cộng</b>	<b>36.500.000</b>	<b>459.744.343</b>
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	257.611.227.414	262.263.819.964
Chi phí nhân công	110.933.524.478	99.278.855.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.108.369.633	25.042.900.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.424.338.305	33.020.102.455
Chi phí khác bằng tiền	40.859.227.449	36.146.975.535
<b>Cộng</b>	<b>468.936.687.279</b>	<b>455.752.653.561</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	39.491.919.717	37.765.684.122
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>	397.329.221	1.022.460.989
2.1 Các khoản điều chỉnh tăng	470.768.273	1.022.460.989
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	36.500.000	414.744.343
<i>Chi phí khấu hao tương ứng với nguyên giá TSCĐ vượt trên 1,6 tỷ đồng</i>	432.882.742	531.460.000
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ</i>	1.385.531	76.256.646
2.2 Các khoản điều chỉnh giảm	(73.439.052)	0
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại nợ phải thu có gốc ngoại tệ</i>	(73.439.052)	0
<b>3. Thu nhập chịu thuế (3=1+2)</b>	39.889.248.938	38.788.145.111
<b>4. Thu nhập tính thuế (4=3)</b>	39.889.248.938	38.788.145.111
5. Thuế suất	20%	20%
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông (6= 5*4)	7.977.849.788	7.757.629.022
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (7=6)	7.977.849.788	7.757.629.022
8. Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	0	0
<b>9. Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (9=8+7)</b>	<b>7.977.849.788</b>	<b>7.757.629.022</b>
		Năm 2022
<b>10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	Năm 2023	(Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.514.069.929	30.008.055.100
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.514.069.929	30.008.055.100
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	20.399.630	20.399.630
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (*)	<b>1.545</b>	<b>1.471</b>

(\*) Năm 2023, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.255 VND xuống còn 1.471 VND.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

**2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)****Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	80.569.098.470	2.205.871.533	0	82.774.970.003
Phải trả người bán	47.347.613.820	0	0	47.347.613.820
Phải trả khác	5.000.401.347	0	0	5.000.401.347
Chi phí phải trả	474.547.567	0	0	474.547.567
<b>Cộng</b>	<b>133.391.661.204</b>	<b>2.205.871.533</b>	<b>-</b>	<b>135.597.532.737</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Các khoản vay và nợ	72.928.670.543	2.242.746.633	0	75.171.417.176
Phải trả người bán	77.374.303.641	0	0	77.374.303.641
Phải trả khác	2.053.963.847	0	0	2.053.963.847
Chi phí phải trả	974.516.324	0	0	974.516.324
<b>Cộng</b>	<b>153.331.454.355</b>	<b>2.242.746.633</b>	<b>0</b>	<b>155.574.200.988</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Dưới đây là hướng dẫn chung về việc trình bày tài sản đảm bảo. Tuy nhiên tùy theo từng công ty nếu có khoản nào bên dưới thì sẽ ghi khoản đó. Nếu không có tài sản thế chấp thì ghi tương tự câu dưới.

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Xem Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2023		31/12/2022		31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	25.418.100.057	0	39.364.911.883	0	25.418.100.057	39.364.911.883
- Phải thu khách hàng	100.303.524.265	0	105.844.799.926	0	100.303.524.265	105.844.799.926
- Phải thu khác	126.525.080	0	796.810.606	0	126.525.080	796.810.606
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>125.848.149.402</b>	<b>0</b>	<b>146.006.522.415</b>	<b>0</b>	<b>125.848.149.402</b>	<b>146.006.522.415</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Phải trả người bán	47.347.613.820	0	77.374.303.641	0	47.347.613.820	77.374.303.641
- Phải trả khác	5.000.401.347	0	2.053.963.847	0	5.000.401.347	2.053.963.847
- Chi phí phải trả	474.547.567	0	974.516.324	0	474.547.567	974.516.324
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.597.532.737</b>	<b>0</b>	<b>155.574.200.988</b>	<b>0</b>	<b>135.597.532.737</b>	<b>155.574.200.988</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

## 2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2023 mà chưa được trình bày trong Báo cáo này.

## 3. Nghiệp vụ và số dư giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

## 3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm Công ty có phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

## 3a.1. Giao dịch khác

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Tạm ứng		
Ông Nguyễn Trung Việt (Chủ tịch HĐQT)	5.900.000.000	0
Cộng	5.900.000.000	-

## 3a.2. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.4 (phải thu khác)

## 3a.3. Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2023:

	Chức danh	Năm 2023
<b>+ Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc</b>		
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	411.210.500
Trần Phúc Dương	Ủy viên HĐQT	305.748.076
Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT	746.825.614
Đặng Văn Việt	Giám đốc chất lượng	442.192.052
Phạm Văn Năm	Giám đốc kinh doanh	514.868.385
<b>+ Thu nhập của Ban kiểm soát</b>		<b>1.118.675.786</b>
Phạm Thị Thùy	Trưởng ban	499.067.847
Trần Kim Cương	Thành viên	282.650.857
Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên	336.957.082
Cộng		<b>3.539.520.413</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2022
<b>4.1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		-	-
<i>a, Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	53,95%	54,25%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	46,05%	45,75%
<i>b, Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	27,44%	31,57%
- Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	72,56%	68,43%
<b>4.2. Khả năng thanh toán</b>			
a, Khả năng thanh toán tổng quát	<i>lần</i>	3,64	3,17
b, Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	<i>lần</i>	1,70	1,47
c, Khả năng thanh toán nhanh	<i>lần</i>	1,04	0,85
<b>4.3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<i>a, Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu</i>			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	6,41%	6,12%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	5,11%	4,86%
<i>b, Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản</i>	%		
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	6,82%	6,54%
- Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	5,44%	5,20%
<i>c, Tỷ suất LNST/Nguồn vốn CSH</i>	%	7,50%	7,60%

## 5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên của Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học MOORE AISIC.

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Trần Quốc Tuấn

Chu Văn Long

Nguyễn Thị Tú Anh

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.